



Vinasun

“ĐƯỜNG XA MUÔN NGĂ, ĐÃ CÓ VINASUN”

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(028) 38 277 178

(028) 39 526 410

contact@vinasuntaxi.com

www.vinasun.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM



BÁO CÁO | 2020
THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05
THÔNG TIN CHUNG	07
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	29
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	63
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	81
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	91
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	101

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

ÔNG ĐẶNG PHƯỚC THÀNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác của Vinasun Corp.,

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam gửi lời tri ân sâu sắc và lời chúc sức khỏe đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác đã đồng hành cùng Công ty trong thời gian vừa qua.

Nhìn lại quá trình hơn 25 năm hình thành và phát triển, Vinasun Corp. đã không ngừng nỗ lực, từng bước hoàn thiện, khẳng định là một trong những thương hiệu taxi hàng đầu Việt Nam. Với thông điệp “**KÈ VAI SÁT CÁNH**”, toàn thể đội ngũ Vinasun Corp. luôn mong muốn mang đến các dịch vụ tốt nhất và sự hài lòng nhất cho Quý khách hàng.

Năm 2020 vừa khép lại với nhiều biến động, tình hình dịch bệnh vẫn còn nhiều phức tạp ở nhiều nơi. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại thì nền kinh tế Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn và thách thức. Dịch bệnh COVID-19 cùng với sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt đã làm suy giảm tiêu dùng của người dân và xã hội gây thiệt hại đến doanh thu, lợi nhuận công ty mặc dù nguyên liệu đầu vào (xăng, dầu) giảm mạnh.

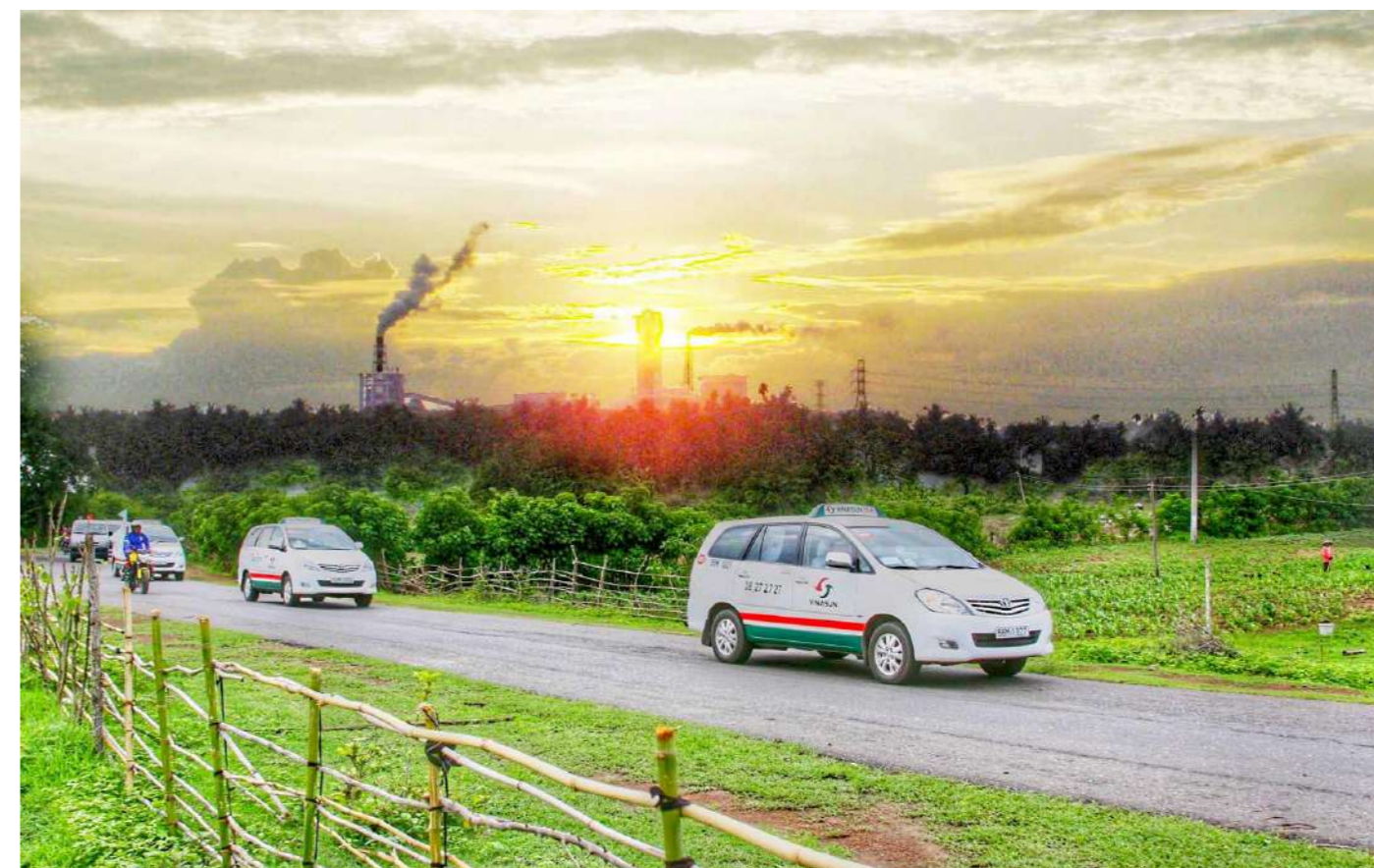
Với tầm nhìn dài hạn và kiên định với mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra Vinasun Corp. luôn cố gắng hoàn thiện bộ máy quản trị, đổi mới công nghệ, mở rộng địa bàn hoạt động, hợp tác trên nhiều lĩnh vực,... Đặc biệt, yếu tố công nghệ được Công ty quan tâm hàng đầu vì được xem là xu hướng kinh doanh mà các doanh nghiệp lớn trên thế giới đang áp dụng.

Bên cạnh đó, Vinasun Corp. luôn dung hòa giữa thế giới truyền thống và thế giới số để không làm mất đi giá trị cốt lõi của mình. Công ty có những chính sách đảm bảo quyền lợi, tăng thu nhập của tài xế bởi lái xe có thu nhập tốt, chính sách lao động đảm bảo thì chất lượng phục vụ mới ổn định.

Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế năm 2020 và vẫn còn tiếp diễn trong năm 2021, với không ít những thách thức khiến các doanh nghiệp đồng ngành gặp lăm nổi lao đao, thì những con số qua năm hoạt động 2020 ghi dấu nhiều nỗ lực của Vinasun Corp. Năm 2020, tổng doanh thu và thu nhập khác của Vinasun Corp. là 1.073 tỷ đồng, đạt 51,52% so với 2019.

Trong năm 2021, Vinasun Corp. sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động mảng kinh doanh chủ lực của mình. Đồng thời, Công ty cũng sẽ phấn đấu hoàn thành chiến lược đã đề ra nhằm đưa Vinasun Corp. trở thành thương hiệu phủ sóng toàn quốc. Với những nỗ lực không ngừng cùng sự định hướng đúng đắn và sự đoàn kết phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, tôi tin rằng Vinasun Corp. sẽ chinh phục những thử thách mới và đạt được những thành tựu rực rỡ hơn nữa trong năm 2021. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam, một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và các đối tác của Vinasun Corp.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.



ĐƯỜNG XA MUÔN NGĂ ĐÃ CÓ **VINASUN**

THÔNG TIN CHUNG

09	THÔNG TIN KHÁI QUÁT
11	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
13	CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
15	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
17	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
19	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
21	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO





Tên Công ty CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

Tên viết tắt VINASUN CORP.

Tên Tiếng Anh VIETNAM SUN CORPORATION

Mã cổ phiếu VNS

Vốn điều lệ 678.591.920.000 VNĐ

Trụ sở chính Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại (028) 38 277 178 - (028) 38 27 27 27

Fax (028) 39 526 410

Email contact@vinasuntaxi.com

Website www.vinasun.com

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp** Số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 17/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 07/05/2018.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam được thành lập, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng.

2006

Tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi.

Thành lập chi nhánh Bình Dương.

2003

Kinh doanh Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu **TAXI VINASUN**.

Chuyển đổi thành công ty cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng.

2007

Công ty tăng vốn điều lệ lên 170 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm cổ phiếu nhằm tái cơ cấu nợ vay, đầu tư thêm xe và các dự án bất động sản.

2008

Trở thành một trong những hãng taxi sở hữu số đầu xe lớn nhất Tp. HCM, cùng với 55 đội xe và 6.196 tài xế.

Mở rộng thêm địa điểm hoạt động ở Đồng Nai.

Chính thức phát hành cổ phiếu.

2009

Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm cổ phiếu.

Đạt thương hiệu taxi hàng đầu được người tiêu dùng bình chọn.

Số lượng xe: 2.793 xe cùng 60 đội và hơn 6.000 tài xế.

2010

Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu mới. Số lượng xe: 4000 chiếc với 67 đội xe và hơn 8.000 tài xế.

Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng.

Khai trương chi nhánh tại Vũng Tàu.

Khai trương Vinasun Green taxi tại Đà Nẵng.

2003

2007

2008

2006

1995

2012

Hoàn thiện tiện ích thanh toán online; Số lượng xe: 4.622 chiếc.

2013

Sau nhiều đợt tăng vốn, vốn điều lệ công ty là 434.998.180.000 đồng và vốn chủ sở hữu là 1.153,4 tỷ.

2012

2010

2013

2014

2015

2018

2019

2020



2014

Tăng vốn điều lệ tăng lên 565.495.260.000 đồng. Vốn chủ sở hữu 1.284,3 tỷ; Số lượng xe 5.729 chiếc.

Khai trương Chi nhánh Khánh Hòa,

2015

Ra mắt phần mềm ứng dụng gọi xe Vinasun App, với mong muốn đem đến một tiện ích đặt taxi một cách dễ dàng, thuận lợi và an toàn nhất cho khách hàng.

Hoàn thành việc tăng vốn lên 678.591.920.000 đồng.

Tại thời điểm này, vốn điều lệ gấp 85 lần lúc thành lập.

Phát triển đội xe lên 6.141 chiếc.

2017

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế; Thực hiện mô hình chuyển nhượng.

2018

Triển khai hàng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh.

Thực hiện mô hình hợp tác kinh doanh.

2019

Triển khai địa bàn kinh doanh mới: Hà Nội. Tạm dừng các chi nhánh: Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ.

Đồng hành cùng Kênh 365 FM thực hiện chương trình mang tên "BẠN CHUNG ĐƯỜNG"

2020

Công ty tiếp tục hoàn thiện các tính năng của Vinasun App cùng hệ thống tổng đài, bổ sung chức năng chốt giá trên App giúp khách hàng biết trước số tiền phải trả cho lộ trình định sẵn.

Đồng thời, Vinasun tiếp tục triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho tài xế để kinh doanh taxi theo phương thức thương quyền.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Năm 2015

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất

Do Tạp chí Forbes Việt Nam công bố.



Năm 2016

Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam

Do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư phối hợp cùng Công ty Chứng khoán Thiên Việt thực hiện



Năm 2017

Doanh nghiệp Du lịch hàng đầu nhiều năm liền (2013-2017), góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố

Do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.



Năm 2015, 2017

Top 10 hãng Vận chuyển khách du lịch hàng đầu

Do Sở Du lịch Tp. HCM vinh danh.



Năm 2019

Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng

Do VISAHO JSC lựa chọn.



Năm 2019

Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất

Do Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet công bố



Năm 2018, 2020

Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh tiêu biểu

Do Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.



Năm 2020

Thương hiệu vàng lĩnh vực thương mại & dịch vụ

Do Sở Công Thương và Thời báo Kinh tế Sài Gòn thực hiện.








Năm 2020

Giải thưởng Vô lăng Vàng (Giải tập thể/Công ty)

Do UB ATGT quốc gia – Bộ GTVT trao tặng



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

-  Cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi
-  Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng
-  Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế
-  Đại lý bán vé máy bay
-  Cho thuê mặt bằng

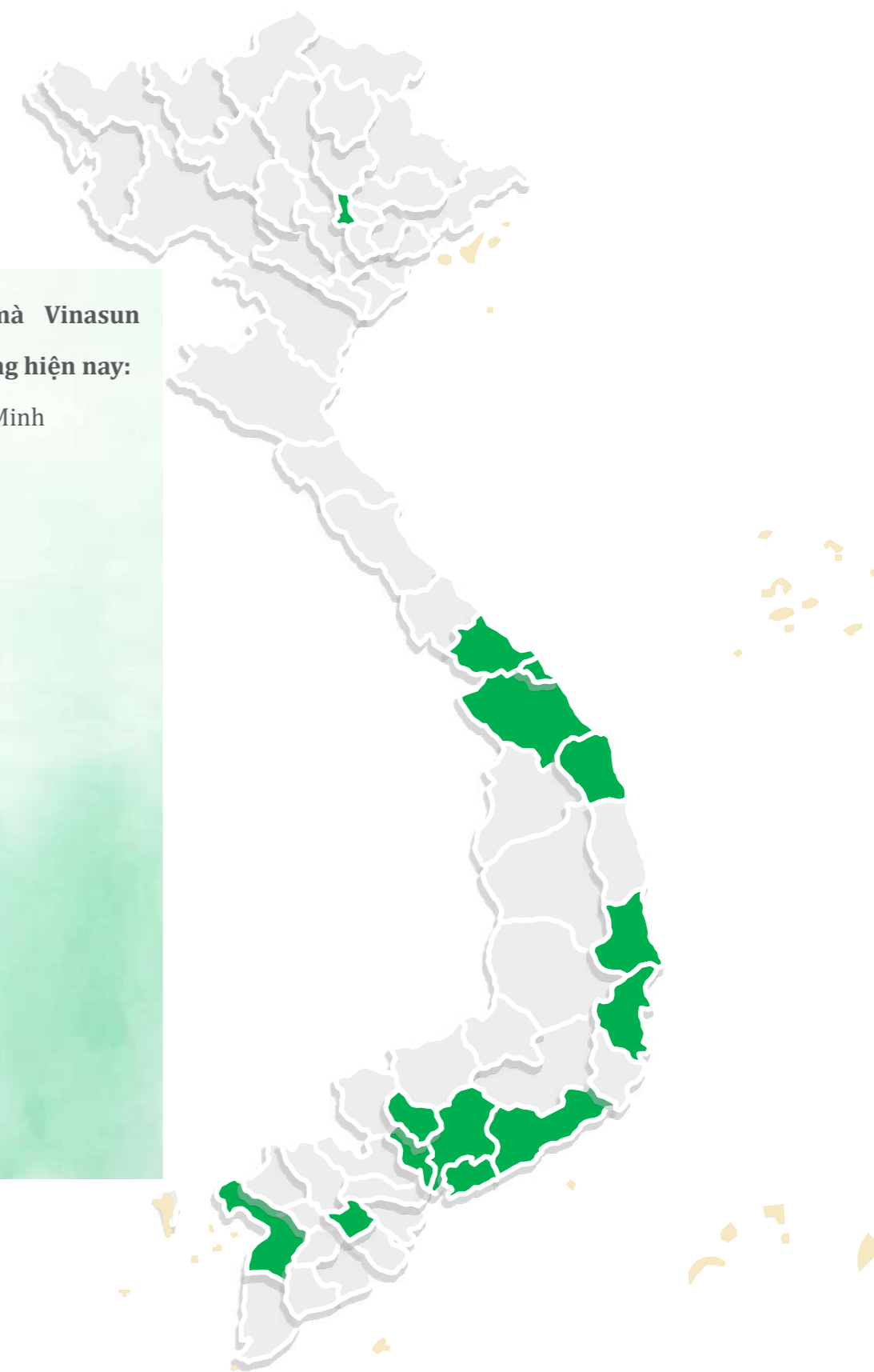
ỨNG DỤNG VINASUN TAXI



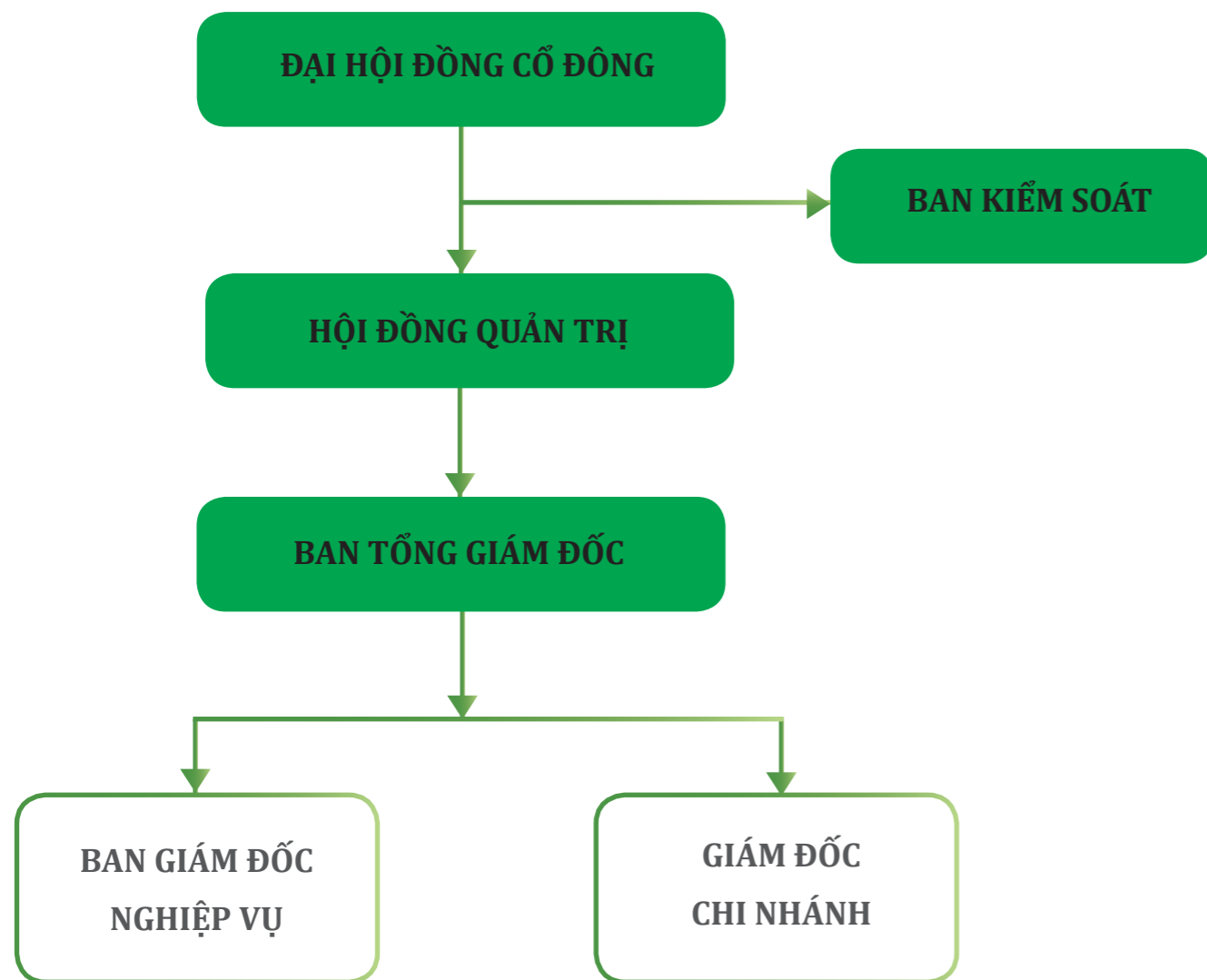
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các thị trường mà Vinasun Corp. đang hoạt động hiện nay:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Hà Nội
- Đà Nẵng
- Bình Dương
- Đồng Nai
- Bà Rịa - Vũng Tàu
- Khánh Hòa
- Quảng Nam
- Quảng Ngãi
- Bình Thuận
- Phú Yên
- Kiên Giang
- Vĩnh Long
- Đồng Tháp
- Thừa Thiên Huế



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (ADX)

Tỷ lệ sở hữu: 90% vốn chủ sở hữu

Trụ sở chính: Số 227, Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.



CÁC CHI NHÁNH

- 8 Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh**
- Chi nhánh Bình Thuận**
- Chi nhánh Vũng Tàu**
- Chi nhánh Kiên Giang**
- Chi nhánh Bình Dương**
- Chi nhánh Vĩnh Long**
- Chi nhánh Đồng Nai**
- Chi nhánh Đồng Tháp**
- Chi nhánh Khánh Hòa**
- Chi nhánh Phú Yên**
- Chi nhánh Quảng Ngãi**
- Chi nhánh Hà Nội**

SỨ MỆNH

Ở Vinasun Corporation, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển như là một “công dân” của sự phát triển tốt nhất toàn cầu. Vinasun Corporation sẽ tiếp tục tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất. Thông qua sứ mệnh này, chúng tôi hướng đến sự phát triển, mang đến những lợi ích, ấp ủ sự thành công không những cho những nhà đầu tư, cổ đông, những đối tác mà còn cho toàn bộ những mối quan hệ trong mắc xích giá trị trên toàn thế giới.



Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun Corporation đã xác định con đường phát triển của mình dựa trên sự hợp tác vững mạnh, dài lâu và bền vững, cộng với trí tuệ của bộ máy điều hành là nền tảng của hệ thống. Đây là những yếu tố cốt lõi để Vinasun Corporation mở rộng phát triển để trở thành tập đoàn hùng mạnh trong tương lai.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Ước mơ của chúng tôi là mang lại cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất và thỏa mãn nhất.

Mỗi thành viên trong công ty là một giá trị và Vinasun Corporation là môi trường để gia tăng giá trị.

Chúng tôi luôn hướng tới sự tin tưởng và tin yêu của khách hàng.

- 1 Tiếp tục tập trung vào ngành nghề chính: Dịch vụ vận tải Taxi, du lịch;
- 2 Củng cố, giữ vững tại các địa bàn kinh doanh sẵn có và gia tăng thị phần tại các thị trường mới;
- 3 Tái cấu trúc công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh;
- 4 Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp: Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp;
- 5 Nâng cao chất lượng dịch vụ: thường xuyên thay thế xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, hệ thống thanh toán Online, áp dụng hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone.

RỦI RO KINH TẾ

Đại dịch COVID-19 nổ ra đầu năm 2020 đến nay đã tác động mạnh mẽ và gây ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của thế giới cũng như Việt Nam. Tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,91% so với năm 2019, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây, ảnh hưởng đến đời sống và tâm lý người dân.



Do dịch bệnh, lệnh giãn cách xã hội, ngành vận tải xuất hiện sự “tê liệt”, lượng hành khách đi lại sụt giảm khiến các doanh nghiệp kinh doanh ngành vận tải điêu đứng. Thực hiện theo chỉ đạo từ Thủ tướng Chính Phủ và Bộ GTVT về việc thực hiện biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19, việc tạm ngưng tất cả các phương tiện vận chuyển hành khách từ ngày 01- 22/4/2020 đã gây ảnh hưởng đến doanh thu của các công ty. Hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng xe taxi, Vinasun Corp. cũng không tránh khỏi những tác động mà các doanh nghiệp cùng ngành đang gánh chịu.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật và xem xét những biến động kinh tế vĩ mô để kịp thời xây dựng những phương án ứng phó với rủi ro. Vinasun Corp. đã và đang làm rất tốt các biện pháp bảo đảm an toàn mùa dịch để bảo vệ cả tài xế và hành khách như sử dụng khẩu trang cho tài xế khi tham gia chở khách, cung cấp dung dịch sát khuẩn cho tài xế và hành khách, thực hiện vệ sinh xe thường xuyên, khách hàng có thể thực hiện thanh toán qua các ví điện tử hay thanh toán qua thẻ ngân hàng,...



RỦI RO PHÁP LUẬT

Mọi hoạt động kinh doanh đều chịu sự kiểm soát của pháp luật và Vinasun Corp. cũng không ngoại lệ. Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam chịu sự điều chỉnh của các luật liên quan đến kinh doanh như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, các Luật Thuế,... Những luật này thường xuyên được điều chỉnh để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho Công ty. Do hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên Vinasun Corp. chịu sự quản lý của Nhà nước và ảnh hưởng của nhiều Văn bản quy phạm pháp luật liên quan như Thông tư liên tịch 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT, Nghị định 100/2019/NĐ-CP, Nghị định 10/2020/NĐ-CP,...

Ngoài ra, theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực ngày 5/12/2020 mức thuế VAT mà các hãng gọi xe công nghệ kê khai tăng từ 3% lên 10%. Do đó, họ tăng giá cước di chuyển, áp lực cạnh tranh của Vinasun Corp. sẽ được giảm xuống.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Để hạn chế vấn đề pháp lý, Vinasun Corp. thường xuyên cập nhật những thay đổi của pháp luật, điều chỉnh kịp thời điều lệ, quy chế của Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả trong vận hành hoạt động tốt nhất.

RỦI RO CẠNH TRANH

Sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đã làm thay đổi cục diện ngành kinh doanh vận tải. Những ứng dụng đặt xe như Grab, Gojek đều là những tên tuổi đã thành công ở nhiều thị trường trên thế giới với tiềm lực tài chính dồi dào, chiến lược quảng cáo rầm rộ qua hàng loạt các ưu đãi, khuyến mãi ồ ạt,... Các hãng taxi công nghệ đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường gây sức ép cạnh tranh lớn đối với dịch vụ taxi truyền thống. Điều này khiến đơn vị vận tải hành khách truyền thống, trong đó có Vinasun Corp., bị sụt giảm doanh thu, số lượng nhân viên giảm mạnh, lợi nhuận cũng bị “bào mòn”,...

Bên cạnh đó, cạnh tranh giữa các Công ty dịch vụ taxi truyền thống trong nước cũng khá gay gắt. Các ứng dụng gọi xe Việt dù có tuổi đời non trẻ nhưng đều đang ngày một nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ, cũng như công nghệ, kĩ thuật.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt, Vinasun Corp. buộc phải có những bước chuyển động mạnh mẽ hơn nữa. Công ty đã xác định đối tượng khách hàng mục tiêu, điều chỉnh chiến lược thị trường, tập trung xây dựng chính sách nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Vinasun Corp. đã tận dụng triệt để lợi thế “sân nhà”, chủ động thay đổi theo hướng vẫn giữ cốt lõi kinh doanh taxi truyền thống, đồng thời mở rộng mảng kinh doanh thương quyền, đặt xe qua ứng dụng Vinasun App, nâng cấp nhiều dòng xe 7 chỗ, 4 chỗ khác nhau như Camry, Fortuner, Vios, Innova,... Ngoài ra, Công ty còn mở rộng địa bàn hoạt động ra một số thị trường như Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên,...



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động kinh doanh chính của Vinasun Corp. là dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi nên biến động giá xăng dầu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn dẫn đến tác động đến lợi nhuận của Công ty. Mặc khác, dầu là mặt hàng nhạy cảm với tình hình kinh tế - chính trị thế giới nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng biến động khó lường.



Sự lao dốc của giá dầu với tình trạng dư thừa cung dầu và việc sụt giảm tiêu thụ năng lượng trên thế giới do lo ngại làn sóng dịch bệnh, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ngày càng leo thang khiến ngành dầu khí thế giới đối mặt với một trong những cuộc khủng hoảng dầu mỏ chưa từng có trong lịch sử. Đỉnh điểm, giá dầu Brent trên thị trường giao sau giảm xuống còn 19,33 USD/thùng, mức thấp nhất trong 18 năm qua kể từ năm 2002. Trong bối cảnh giá xăng dầu giảm mạnh sẽ làm giảm chi phí của Công ty. Do áp lực cạnh tranh cao, Vinasun Corp. buộc phải điều chỉnh giá. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá cước với taxi rất tốn kém vì “chi phí thực đơn”, Luật quy định chặt chẽ về giá cước, xe phải nghỉ một buổi, đến cơ quan chức năng điều chỉnh đồng hồ, thay bảng thông báo giá dán trên xe,...

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Do đó, để điều tiết rủi ro do biến động giá xăng dầu, Vinasun Corp. chủ động theo dõi tình hình kinh tế - chính trị thế giới để xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời, nắm bắt cơ hội nhanh chóng để đạt được những mục tiêu đề ra. Đồng thời, Công ty thực điều chỉnh giá thông qua chiết khấu thương mại thay vì điều chỉnh giá thực sự,...



RỦI RO SẢN PHẨM THAY THẾ

Nền kinh tế nước ta ngày một đi lên, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, dân cư tập trung vào các thành phố lớn ngày càng tăng, nhưng cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ gây ra tình trạng kẹt xe, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí do khí thải của các phương tiện tham gia giao thông. Vì vậy, hiện nay, Nhà nước đẩy nhanh thực hiện quy hoạch đô thị và giao thông, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống giao thông công cộng.

Các tuyến đường sắt đô thị, các tuyến xe buýt nhanh và các loại hình giao thông công cộng mới như tàu điện ngầm, xe buýt sông... hoàn thành và được đưa vào sử dụng chính thức thì người dân sẽ có thêm nhiều lựa chọn phương tiện đi lại. Đặc biệt với dự án tàu điện ngầm Metro, theo thông tin từ Ban Quản lý Đường sắt đô thị TPHCM, tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên đang được gấp rút hoàn thành và dự kiến đưa vào khai thác vào quý IV năm 2021 sẽ thay đổi nhận thức di chuyển của người dân. Đây là rủi ro tiềm ẩn cho các đơn vị vận chuyển hành khách truyền thống nói chung và Vinasun Corp. nói riêng.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Chính vì vậy, để giảm thiểu những rủi ro sản phẩm thay thế, Vinasun Corp. đã nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến phương tiện hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động chuyên nghiệp để gia tăng độ hài lòng của khách hàng. Đồng thời, Công ty tăng cường truyền thông nhận diện thương hiệu, kích thích khách hàng sử dụng dịch vụ.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC

Do miếng bánh thị phần ngành vận chuyển hành khách đang bị “xâu xé” một cách khốc liệt. Quy mô ngày càng thu hẹp khiến các tài xế của Vinasun Corp. Số cuộc xe họ nhận được mỗi ngày cũng ít dần. Sự sụt giảm doanh thu làm tiền lương của các tài xế giảm. Trước áp lực cạnh tranh từ Grab và Gojek, nhiều lái xe đã nghỉ việc ở công ty.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Để giữ chân được tài xế, Vinasun Corp. đã tăng mức chiết khấu, thu nhập, chế độ phúc lợi cho tài xế. Đồng thời, thông qua các chương trình radio “Bạn chung đường”, “Kề vai sát cánh” tạo ra sự tương tác, kết nối giữa các anh chị em lái xe, giúp họ có thể chia sẻ thêm những câu chuyện thú vị về chuyện đời, chuyện nghề của mình.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh mảng kinh doanh cốt lõi là vận tải hành khách bằng taxi, Vinasun Corp. còn kinh doanh theo phương thức nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng. Rủi ro của Công ty từ phương thức kinh doanh này đến từ đối tác tự hủy ngang hợp đồng hợp tác, chuyển nhượng,...

Chính vì vậy, Công ty thường sử dụng các biện pháp như yêu cầu khách hàng cọc tiền trước, mức phí phạt cao khi hủy ngang hợp đồng,...



Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất, dịch bệnh... gây thiệt hại tài sản của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được. Ban lãnh đạo Vinasun Corp. luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tối đa thiệt hại. Đồng thời, Công ty thường xuyên mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tổn thất.

Đường xa muôn ngả Đã có VINASUN

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

31	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
35	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
53	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
55	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
59	TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
61	TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	2.083.573	1.073.353	51,52%
2	Doanh thu thuần	1.991.231	1.006.002	50,52%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	46.672	-278.066	-595,79%
4	Lợi nhuận khác	92.342	67.351	72,94%
5	Lợi nhuận trước thuế	139.014	-210.715	-151,58%
6	Lợi nhuận sau thuế	108.660	-210.578	-193,80%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.591	-3.060	-192,33%

Năm 2020 kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19. Mặc dù nhiều nền kinh tế trên thế giới khủng hoảng nghiêm trọng, kinh tế trong nước vẫn đạt tăng trưởng dương nhờ chính sách điều hành của Chính phủ. Tình hình lạm phát được kiểm soát (CPI bình quân chỉ tăng 3,23% so với bình quân năm 2019).

Trong bức tranh chung của nền kinh tế, năm 2020 ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động dịch vụ vận tải của Công ty. Trong năm qua, Vinasun luôn nỗ lực trong việc bảo vệ thị phần của mình, đồng thời, củng cố và nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2020 phản ánh rõ nét những khó khăn và nỗ lực của Công ty. Tổng doanh thu kinh doanh và thu nhập khác của công ty đạt 1.073 tỷ đồng, giảm so với năm 2019. Nguyên nhân doanh thu trong năm giảm do ảnh hưởng tiêu cực dịch bệnh, lệnh giãn cách xã hội làm giảm nhu cầu đi lại của người dân. Đồng thời, Công ty còn chịu sự cạnh tranh gay gắt của các hãng xe công nghệ với các chính sách ưu đãi rầm rộ.



Về doanh thu

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.727.683	867.986	86,76%	86,28%
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	240.552	127.276	12,08%	12,65%
Doanh thu khác	22.996	10.740	1,15%	1,07%
Tổng cộng	1.991.232	1.006.002	100,00%	100,00%

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: tự doanh, nhượng quyền và hợp tác.

Cơ cấu doanh thu Vinasun vẫn duy trì ổn định qua các năm. Do chịu sự tác động tiêu cực của dịch COVID-19 và cạnh tranh thị trường dịch vụ vận tải gay gắt, doanh thu các mảng của Công ty đều giảm. Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu kinh doanh của Vinasun.



Về chi phí

Cơ cấu chi phí theo yếu tố

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Chi phí nguyên liệu	366.713	184.519	50,32%	19,19%	14,71%
Chi phí nhân công	816.097	491.608	60,24%	42,70%	39,18%
Chi phí khấu hao và khấu trừ	440.465	378.386	85,91%	23,04%	30,16%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.551	167.776	73,73%	11,90%	13,37%
Chi phí khác	60.604	32.344	53,37%	3,17%	2,58%
Tổng cộng	1.911.431	1.254.633	65,64%	100,00%	100,00%

Chi phí kinh doanh theo yếu tố của Công ty giảm 65,64% nhờ chi phí nhiên liệu giảm sâu. Chi phí nhân công tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Vinasun với 39,18%. Theo sau lần lượt là các khoản mục chi phí khấu hao và chi phí nguyên liệu, lần lượt chiếm 30,16% và 14,71%. Tỷ trọng của các khoản mục chi phí này vẫn duy trì tương đương so với năm 2019.



**SẠCH KHUẨN
AN TOÀN**



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ RA

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	%TH/KH 2020
- Doanh thu từ HĐKD Vinasun Corp	922,64	1.050	87,9%
- Doanh thu từ HĐKD Vinasun Green	83,36	130	64,1%
Tổng Doanh thu Kinh doanh	1.006	1.180	85,3%
- Thu nhập khác (từ thanh lý & thu nhập khác)	67,35	50	134,7%
Tổng Doanh thu & Thu nhập	1.073,35	1.230	87,3%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	-210,72	-115	183,2%
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	-278,07	-163	170,6%
- Lợi nhuận trước thuế từ thu nhập khác	67,35	48	140,31%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	-210,58	-115	183,1%
Số xe đầu tư	3	100	3,0%
Số xe thanh lý	1.036	1.100	94,2%

Tổng doanh thu kinh doanh của Công ty năm 2019 là 1.006 tỷ đồng, chỉ đạt 85,3% so với kế hoạch đã đề ra do tình hình dịch bệnh phức tạp hạn chế như cầu đi lại và cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường dịch vụ taxi.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT	16.907.888	24,92%
2	Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT	6.318	0,01%
3	Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT	15.794	0,02%
4	Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT	3.158	0,00%
5	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	0	0,00%
6	Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	4.689.070	6,91%
7	Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT độc lập	55.000	0,08%
8	Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT độc lập	10.660	0,02%
9	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%

(*) Tính tại thời điểm 31/03/2021

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	31	~0,00%
2	Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	34.052	0.05%
3	Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	681.230	1,00%

(*) Tính tại thời điểm 31/03/2021

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	15.794	0,02%
2	Tạ Long Hỷ	Phó TGĐ Thường trực	3.158	0,00%
3	Trương Đình Quý	Phó Tổng GD	6.318	0,01%
4	Trần Anh Minh	Phó Tổng GD	15.794	0,02%
5	Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng GD	15.794	0,02%
6	Đặng Thành Duy	Phó Tổng GD	0	0,00%
7	Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng GD	0	0,00%
8	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng GD	1.300	0,00%
9	Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng GD	7	~0,00%
10	Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng GD	3.883	0,01%

(*) Tính tại thời điểm 31/03/2021

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD TRONG NĂM 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2020
		Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2020
2	Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 08/06/2020
		Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2020
3	Đoàn Hoài Minh	Thành viên HĐQT	Thôi đại diện vốn NN (Satra) theo công văn 358 ngày 11/09/2020
4	Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm đại diện vốn NN (Satra) thay ông Đoàn Hoài Minh từ ngày 11/09/2020 theo công văn 358 ngày 11/09/2020
5	Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 29/09/2020
6	Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 30/11/2020



ÔNG ĐẶNG PHƯỚC THÀNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân sinh hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 16.907.888 cổ phiếu, tương ứng 24,92% VDL



ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH QUÝ

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Quản lý chất lượng

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	- Thạc sỹ Khoa học Giáo dục - Cử nhân Luật - Cử nhân Kinh tế chính trị
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Tp.HCM
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 6.318 cổ phiếu, tương ứng 0,01% VDL



ÔNG TRẦN ANH MINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Kế hoạch đầu tư

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,02% VDL



ÔNG TẠ LONG HỶ

**Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Giám đốc taxi**

Năm sinh	1951
Trình độ chuyên môn	Cao học Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 3.158 cổ phiếu, tương ứng ~0,00% VDL



ÔNG TRƯƠNG VĨNH TÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế đối ngoại
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó TGD Công ty TM Sài Gòn MTV
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV: 4.689.070 cổ phiếu, tương ứng 6,91% VDL



BÀ HUỖNH THANH BÌNH MINH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1983
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0,0% VDL



ÔNG HỒ KIM TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	1949
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Chính trị
Chức vụ tại tổ chức khác	Thành Viên HĐQT Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức Long An
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 55.000 cổ phần, tương ứng 0,08% VDL



ÔNG ĐẶNG CÔNG LUẬN

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh 1953

Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Chức vụ tại tổ chức khác Không có

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện Sở hữu cá nhân: 10.660 cổ phần, tương ứng 0,02% VDL



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh 1976

Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Chức vụ tại tổ chức khác Phó Giám Đốc - Công ty Bảo Hiểm PJICO Bến Thành

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0,0% VDL





BÀ ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG

Tổng giám đốc

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Tài chính - Kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,02% VDL



ÔNG HUỲNH VĂN SĨ

Phó Tổng giám đốc Tổ chức hành chính

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Vận tải
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,02% VDL



ÔNG ĐẶNG THÀNH DUY

Phó Tổng giám đốc Đối ngoại và Phát triển

Năm sinh	1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn (CLS)Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Ánh Dương Xanh Việt Nam
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0,00% VDL



ÔNG NGUYỄN VĂN MÁC

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc điều hành taxi

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0,00% VDL



ÔNG NGUYỄN BẢO TOÀN

Phó Tổng giám đốc Đối ngoại và Phát triển

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Marketing
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 7 cổ phần, tương ứng ~0,00% VDL



BÀ NGUYỄN THỊ ĐĂNG THU

Phó Tổng giám đốc Tổng đài

Năm sinh	1974
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần, tương ứng ~0,00% VDL



BÀ ĐẶNG PHƯỚC HOÀNG MAI

Phó Tổng giám đốc Trung tâm du lịch

Năm sinh	1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 3.883 cổ phiếu, tương ứng ~0,01% VDL



BÀ TRẦN THỊ THU HIỀN

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">Cử nhân Tài chính kế toán,Chứng chỉ kế toán trưởng
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 31 cổ phiếu, tương ứng ~0,0% VDL



BÀ MAI THỊ KIM HOÀNG

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1963
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">Cử nhân kinh tế Ngành Kế toánThạc sĩ Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty Cổ phần DV-DL Mê Kông
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 34.052 cổ phiếu, tương ứng 0,05% VDL



BÀ ĐỖ THỊ THÁM HOA

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Ngành kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV: 681.230 cổ phiếu, tương ứng 1,00% VDL

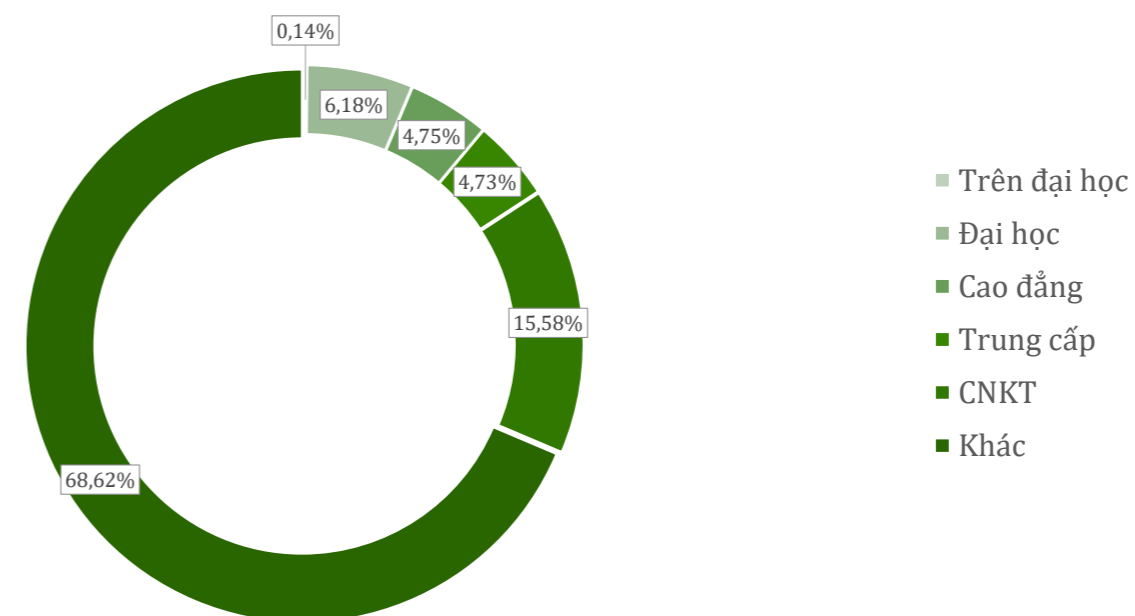
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	4.398	100,00%
1	Trên đại học	6	0,14%
2	Đại học	272	6,18%
3	Cao đẳng	209	4,75%
4	Trung cấp	208	4,73%
5	CNKT	685	15,58%
6	Khác	3.018	68,62%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	4.398	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	1.595	36,27%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.781	40,49%
3	Thử việc	1.022	23,24%

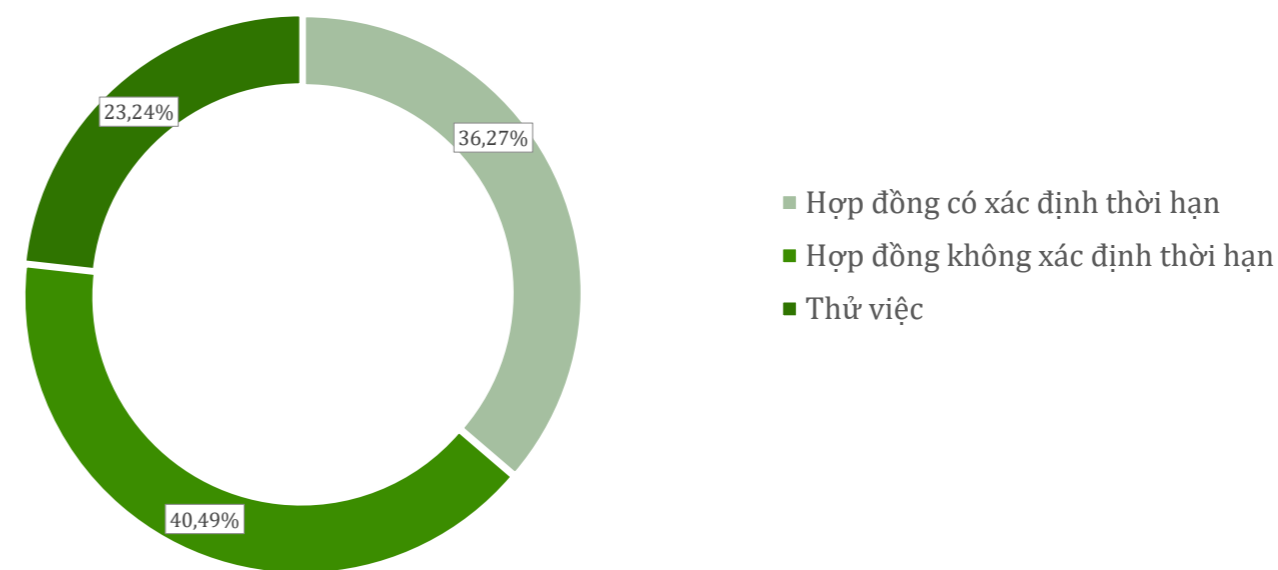
Tổng số cán bộ nhân viên công ty đến 31/12/2020 là 4.398 người trong đó:

- Công ty Mẹ: 3.643 người
 - Trực tiếp kinh doanh: 2.001 người.
 - Trực tiếp điều hành và hỗ trợ kinh doanh: 1.145 người (bao gồm Điều hành Tiếp thị – Điều hành xe – Tổng đài - các chi nhánh và các xưởng sửa chữa).
 - Bộ phận gián tiếp: 497 người.
- Công ty con (Vinsun Green): 755 người

Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo tính chất hợp đồng lao động



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lượng người lao động (người)	16.131	16.257	6.055	5.486	4.692	3.643
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	6,08	7,61	11,94	9,98	10,16	9,67

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.



Chính sách phúc lợi

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN... khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ....;

Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.



Chính sách lương thưởng

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương cho người lao động theo đúng quy định. Cụ thể, người lao động được thanh toán lương theo quy chế của Công ty, căn cứ trên thang bảng lương do Nhà nước quy định, căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc nhằm đảm bảo thu nhập và động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng dịch vụ, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vào ngày 31/12/2020, Công ty có một Công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%	90%

ĐẦU TƯ VÀO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty tiếp tục hoàn thiện các tính năng của phần mềm đặt xe - điều xe tự động (Vinasun App) cùng hệ thống tổng đài nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng, bổ sung chức năng chốt giá trên App giúp khách hàng biết trước số tiền phải trả cho lộ trình định sẵn khi sử dụng dịch vụ của taxi Vinasun.

Công ty đã triển khai dịch vụ thanh toán online trả trước (VNS Prepaid) thông qua liên kết với các ngân hàng và hệ thống bán lẻ của Payoo trong việc nạp tiền.

Tiếp tục triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho anh em lái xe để kinh doanh taxi theo phương thức thương quyền với công ty.

BIẾT TRƯỚC GIÁ CƯỚC
Rõ ràng, minh bạch!

TẢI APP NGAY
www.vinasun.vn

ĐA DẠNG DÒNG XE
Đặt app khỏe re !!

TẢI APP NGAY
www.vinasun.vn

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ THANH LÝ XE

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2019	Đầu tư trong năm 2020	Thanh lý trong năm 2020	Số xe sở hữu đến 31/12/2020
4 chỗ (Camry – Altis- Vios)	2.093	3	499	1.597
7 chỗ (Innova G –Jnew- Fortuner)	2.828	-	537	2.291
Tổng cộng	4.921	3	1.036	3.888
Trong đó:				
+ Công ty Mẹ	4.523	1	969	3.555
+ Công ty con	398	2	67	333

- Công ty Mẹ đầu tư 01 xe, thanh lý 969 xe. Trong đó có 186 xe bán trả chậm cho Lái xe để kinh doanh theo phương thức thương quyền. Tổng số xe của Công ty Mẹ cuối năm 2020 là 3.555 xe.
- Công ty con (Vinasun Green) đầu tư thêm 02 xe, thanh lý 67 xe. Tổng số xe cuối năm 2020 là 333 xe.
- Đến cuối năm 2020 Tổng số xe kinh doanh của của Công ty là 4.954 chiếc (trong đó có 1.066 xe hoạt động theo mô hình hợp tác kinh doanh), giảm 17,9 % so với đầu năm.

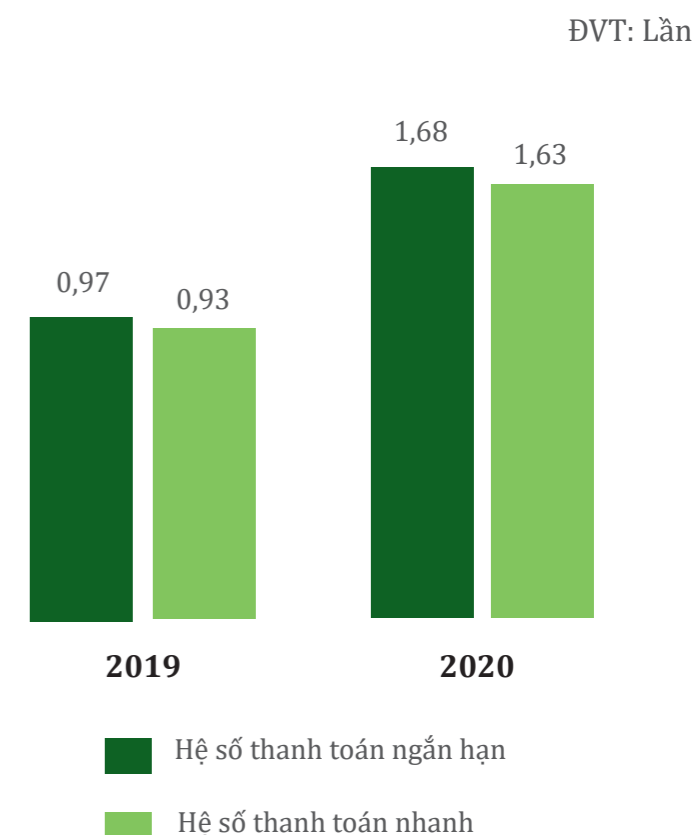
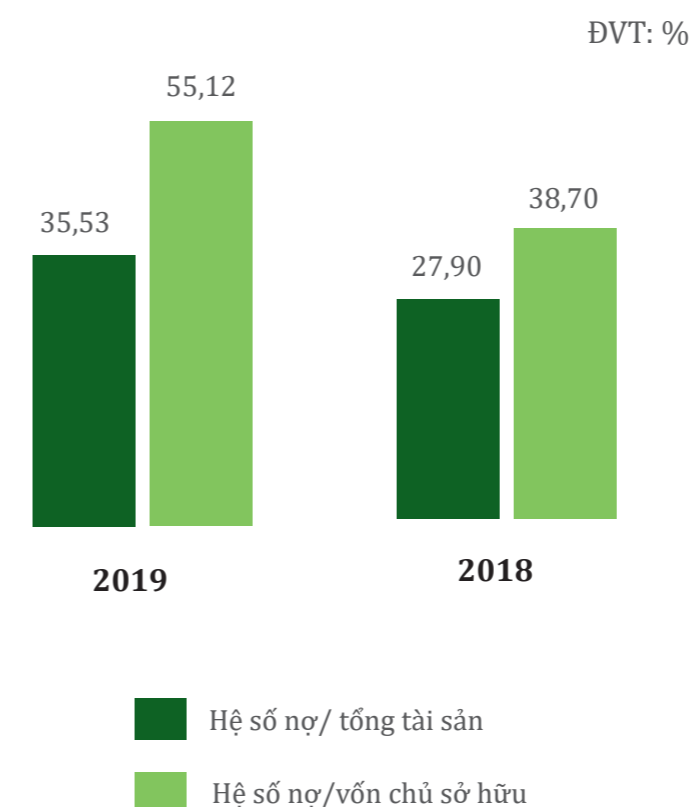
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,97	1,68
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,93	1,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,53	27,90
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,12	38,70
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	44,97	34,09
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	14,33	5,93
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	89,14	72,11
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,74	0,43
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,46	-20,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,48	-13,25
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,06	-8,98
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần		2,34	-27,64

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2020, các chỉ tiêu thanh toán của Vinasun đều cải thiện so với năm 2019 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đúng hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,68 tăng từ mức 0,97 năm 2019. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là nợ ngắn hạn giảm do trong năm Công ty đã trả bớt các khoản vay dài hạn đến hạn nộp.

Tương tự, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,93 lên 1,63 năm 2020. Do hàng tồn kho chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ ngắn hạn với 2,95% nên hệ số thanh toán nhanh của Vinasun xấp xỉ hệ số thanh toán ngắn hạn.


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn


Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Vinasun ngày càng tốt. Hệ số nợ trên tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty giảm lần lượt còn 27,9% và 38,7% năm 2020 từ mức 35,53% và 55,12% năm 2019. Công ty đã mạnh dạn thanh lý xe cũ để đảm bảo chất lượng xe phục vụ khách hàng nên tài sản của Công ty giảm. Đồng thời, trước áp lực cạnh tranh cao cùng với dịch bệnh hạn chế nhu cầu đi lại của khách hàng, Vinasun đã chủ động giảm tỷ lệ nợ vay để giảm gánh nặng chi phí lãi vay lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều giảm. Trong năm, tình hình dịch bệnh phức tạp và cạnh tranh với các hãng xe công nghệ gay gắt ảnh hưởng đến hoạt động chi trả nợ của Công ty nên vòng quay khoản phải trả giảm còn 34,09 vòng năm 2020 từ mức 44,97 vòng năm 2019. Năm 2020, Công ty phát sinh khoản mục phải thu liên quan đến thuế giá trị gia tăng thuế tài chính nên khoản phải thu khách hàng của Vinasun tăng lên dẫn đến vòng quay khoản phải thu giảm.

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 89,14 vòng còn 72,11 vòng do giá trị phụ tùng trong năm được khấu hao nên hàng tồn kho giảm. Vòng quay tổng tài sản của VNS năm 2020 giảm so với năm 2019 cho thấy việc sử dụng tài sản của Công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh chưa thật sự hiệu quả.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2020, dịch bệnh COVID-19 lan rộng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế xã hội ở hầu hết các quốc gia trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, cạnh tranh trên thị trường dịch vụ vận chuyển bằng taxi ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Vinasun.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song Công ty đã cố gắng giảm hầu hết các chi phí như giá vốn, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng,... giúp cải thiện phần nào kết quả kinh doanh của Vinasun.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 67.859.192 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

Loại cổ phần : Cổ phần thường

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/03/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nội bộ (HĐQT BKS và Ban Điều hành)	13	25,11%
2	Cá nhân trong nước	963	34,42%
3	Tổ chức trong nước	25	20,59%
4	Cá nhân nước ngoài	58	0,30%
5	Tổ chức nước ngoài	18	19,58%
6	Cổ phiếu Quỹ (VNS)	-	0 %
Tổng cộng		1.077	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

Các chứng khoán khác : không có



CHÍNH SÁCH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường bộ nên Công ty luôn ý thức được rằng việc tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động cho Công ty mà còn giúp giảm các tác động đến môi trường xung quanh, đặc biệt trong thời điểm hiện tại khi môi trường đang là vấn đề nóng đối với toàn xã hội, liên hệ chặt chẽ đến hình ảnh và thương hiệu của doanh nghiệp nói chung và Vinasun nói riêng.

Vinasun luôn muốn góp phần giảm tác động tiêu cực của việc sử dụng năng lượng bằng những biện pháp thiết thực. Nâng cao ý thức người lao động thông qua các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ để quản lý năng lượng tốt hơn.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả, VNS luôn dành nguồn lực và sự ưu tiên cho các hoạt động cộng đồng. Công ty luôn tập trung đến các vấn đề mà xã hội thực sự cần và quan tâm như bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu,... Vinasun tin rằng thực hiện trách nhiệm với xã hội sẽ mang đến thay đổi tích cực và lâu dài cho cộng đồng góp phần cho sự phát triển của đất nước. Từ đó, cả cộng đồng, trong đó có Vinasun sẽ cùng phát triển bền vững và vươn đến sự thịnh vượng.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Kết quả hoạt động năm 2020 cho thấy VNS vẫn đảm bảo được thu nhập và việc làm cho người lao động, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty nhưng cũng tuân thủ đúng các quy định đối với Nhà nước.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƯỜNG XA MUÔN NGĂ






Đã có VINASUN

65	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
70	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
72	NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
73	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
77	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI







THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM

Thuận lợi

-  Độ nhận diện thương hiệu cao, địa bàn hoạt động rộng khắp các tỉnh thành;
-  Số lượng xe hùng hậu, chất lượng xe tốt, chất lượng phục vụ được khách hàng đánh giá tốt;
-  Hệ thống khách hàng tổ chức ổn định, sử dụng taxi card, thẻ member;
-  Liên kết được với nhiều nhà hàng, siêu thị, sân bay, khách sạn, nhà ga để đón khách;
-  Đội ngũ lái xe chuyên nghiệp.

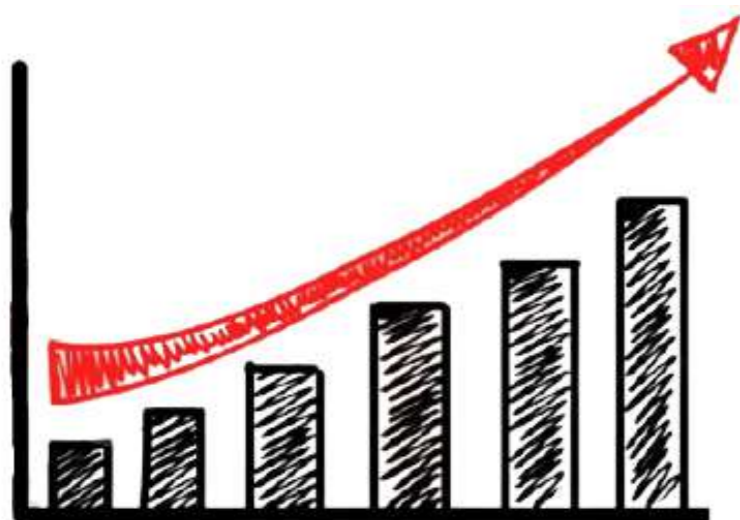
Khó khăn

-  Chi phí vận hành lớn (chi phí vận hành bộ máy, chi phí đầu tư hạ tầng, bến bãi cao, chi phí nhân sự,...) gây khó khăn trong việc cạnh tranh về giá;
-  Cạnh tranh gay gắt với các công ty nước ngoài có tiềm lực tài chính lớn mạnh, dễ dàng thu hút khách hàng qua hàng loạt các ưu đãi, khuyến mãi, giảm giá, quà tặng;
-  Hệ thống phát triển nhanh và rộng khắp nên chưa đảm bảo được tính đồng nhất về chất lượng tại các địa bàn hoạt động;
-  Ngày càng trở nên khó khăn trong việc thu hút được lao động lành nghề.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020, kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh COVID-19 lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Dưới sự chỉ đạo phòng chống dịch và khôi phục kinh tế của nhà nước, tăng trưởng GDP năm 2020 tăng 2,91% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020. Riêng tại TP Hồ Chí Minh Tốc độ tăng trưởng GRDP là 1,39 % so với 2019, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ giảm 1,3% trong đó nhóm ngành du lịch và vận tải hành khách giảm mạnh nhất do Khách du lịch quốc tế chỉ đạt 1,3 triệu lượt, giảm 84,8% so với năm 2019. Khách du lịch nội địa chỉ đạt 15,9 triệu lượt, giảm 48,45% so với năm 2019 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng ngành dịch vụ vận tải tại TP Hồ Chí Minh.



Hoạt động kinh doanh ngành taxi nói chung và của Công ty Vinasun tiếp tục gặp khó khăn. Tổng doanh thu kinh doanh **đạt 1.006 tỷ đồng giảm 49,48 % so với năm 2019 và đạt 85,25 % so với kế hoạch 2020**; Công ty ghi nhận khoản lỗ là **210,58 tỷ đồng**. Trong năm qua, Công ty luôn nỗ lực trong việc bảo vệ thị phần, đồng thời, quyết liệt đưa ra công luận và các cơ quan chức năng những bằng chứng cứ thuyết phục nhằm yêu cầu sự công bằng trong các điều kiện kinh doanh vận tải taxi.

Công ty liên tục cải tiến, nâng cấp Vinasun App và hệ thống tổng đài thông minh nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, thực hiện nhiều giải pháp khuyến khích khách hàng sử dụng Vinasun App, nâng cao chất lượng phục vụ lái xe, điều chỉnh giá cước linh hoạt, thay đổi mô hình kinh doanh nhằm giữ chân lái xe và thu hút lại lái xe đã nghỉ việc,...

Bên cạnh đó, củng cố chất lượng và phân bổ lại số lượng xe tại các địa bàn kinh doanh, thường xuyên mở rộng khai thác hiệu quả các kênh phục vụ khách hàng như hệ thống điểm tiếp thị trực tiếp, gián tiếp, nâng cao chất lượng chăm sóc và phát triển khách hàng thân thiết, tiếp tục duy trì ổn định hệ thống thanh toán online.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

☑ Tình hình dịch bệnh và sự bất bình đẳng trong điều kiện kinh doanh đã tạo nên môi trường cạnh tranh khốc liệt, đầy rủi ro trong năm qua, thể hiện qua các chỉ tiêu như:

Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm
Số lượng cuộc gọi bình quân ngày	29.466	13.580	-53,9%
Bình quân lượt khách qua điểm tiếp thị (có ĐH)	27.432	10.934	-60,1%
Số lượng đặt App bình quân ngày	14.319	7.652	-46,6%

Trong năm, số lượng cuộc gọi bình quân trên ngày giảm 53,9%, số lượng đặt App bình quân ngày giảm 46,6% so với năm trước. Chính vì vậy, Vinasun đã có những biện pháp:

- Tiết giảm các chi phí vận hành và quản lý.
- Tuân thủ các loại thuế phí theo quy định hiện hành của hoạt động taxi.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo quy định.

Tuy nhiên, Công ty vẫn phải chịu các chi phí cố định khi xe ngừng kinh doanh.

☑ Các công ty Nước ngoài thực hiện cạnh tranh bằng giá thấp phi lý, liên tục dùng nguồn tài chính khuyến mãi cho khách hàng và tài trợ cho chủ xe, lái xe... gây tác động xấu đến thị phần của Công ty. Vinasun đã có những biện pháp:

- Thường xuyên nâng cấp ứng dụng phần mềm điều xe và quản lý hiện đại vào kinh doanh để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, tập trung đáp ứng các tiêu chí: tiện ích, nhanh chóng, an toàn...
- Đồng thời tăng cường việc chăm sóc tốt khách hàng tại các điểm đón khách đã giúp Công ty luôn được khách hàng tin tưởng và sử dụng dịch vụ trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn về dịch bệnh.



HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Thường xuyên thực hiện trên các báo đài, phương tiện truyền thông về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các sự kiện quan trọng khác. Bên cạnh đó thông qua Website: www.vinasuncorp.com, Fanpage, và các bản tin nội bộ của Công ty đã truyền tải những tin tức, sự kiện về hoạt động của Vinasun đến khách hàng, nhân viên và các cổ đông được thuận tiện hơn.

Thực hiện các chương trình như: tài trợ Hội Hoa Xuân Phú Mỹ Hưng... và các chương trình khuyến mãi khác... Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của Công ty, đã nhận được sự quan tâm của khách hàng, đóng góp vào việc gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng như chia sẻ những thông tin cần thiết cho các cổ đông và khách hàng.

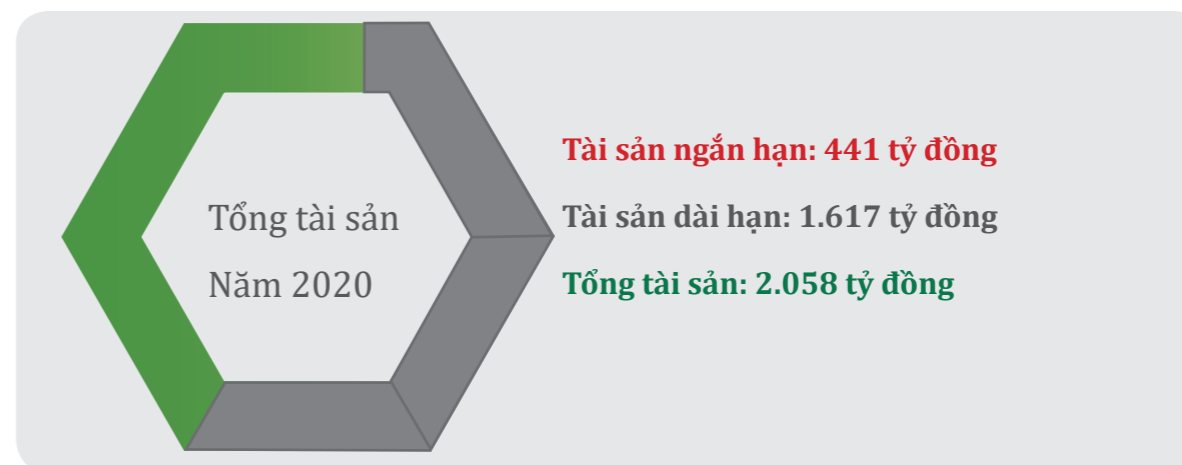


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% TH 2020/2019	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Tài sản ngắn hạn	431.219	441.179	102,31%	16,40%	21,43%
Tài sản dài hạn	2.198.378	1.617.155	73,56%	83,6%	78,57%
Tổng tài sản	2.629.597	2.058.333	78,28%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản đến cuối năm 2020 của Công ty đạt 2.058 tỷ đồng, giảm 21,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt đạt 411 tỷ đồng và 1.617 tỷ đồng. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Vinasun có sự dịch chuyển tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn do trong năm các khoản tương đương tiền và khoản phải thu khách hàng tăng lên làm tài sản ngắn hạn tài sản ngắn hạn tăng 2,3%. Đồng thời, tài sản dài hạn giảm 26,44% bởi vì khoản phải thu về thanh lý tài sản cố định của Vinasun tăng lên.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% TH 2020/2019	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Nợ ngắn hạn	446.036	262.593	58,87%	47,73%	45,72%
Nợ dài hạn	488.376	311.757	63,84%	52,27%	54,28%
Tổng nợ phải trả	934.411	574.350	61,47%	100,00%	100,00%

Tại thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty lần lượt đạt ở mức 446 tỷ đồng và 488 tỷ đồng. Cả hai khoản mục này đều giảm so với năm 2018, lần lượt giảm ở mức 15,85% và 7,85%.

Năm 2020 ghi nhận tổng nợ của Công ty là 574 tỷ đồng, giảm 38,53% so với năm 2019. Trong đó nó nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt giảm 41,12% và 36,16% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nhiều biến động, vẫn duy trì ở mức an toàn và phù hợp.

Nợ ngắn hạn: 262 tỷ đồng

Nợ dài hạn: 311 tỷ đồng

Tổng nợ: 574 tỷ đồng





**Tổng Nợ
năm 2020**

Trong năm 2020, công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý với mô hình phân cấp. Các phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức này sẽ cần hiệu chỉnh để phù hợp với mục tiêu trung hạn và dài hạn của Công ty.

Chính sách người lao động tiếp tục là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/ phạt v.v...được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.











DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG XE ĐẦU TƯ - THANH LÝ

-  Đầu tư trong năm: Khoảng 500 chiếc.
-  Thanh lý và bán trả chậm cho anh em lái xe để kinh doanh dưới hình thức thương quyền khoảng 1.020 chiếc.
-  Phát triển số lượng xe hợp tác kinh doanh với các đối tác bên ngoài: 200 chiếc
-  Công ty sẽ chủ động điều chỉnh tăng giảm số lượng xe đầu tư và thanh lý cũng như điều phối hài hòa số lượng xe ở các chi nhánh theo các mô hình và phương thức kinh doanh phù hợp trên cơ sở đảm bảo hiệu quả của Công ty ở mức cao nhất.

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2019	Đầu tư Tối thiểu trong năm 2021	Thanh lý và bán trả chậm trong năm	Số xe sở hữu đến 31/12/2021
4 chỗ (Camry, Altis, Vios, Hyundai...)	1.597	500	420	1.677
7 chỗ (Innova, Fortuner...)	2.291		600	1.691
Tổng cộng	3.888	500	1.020	3.368
- Công ty Mẹ	3.555	500	1.000	3.055
- Công ty Con	333		20	313

+ Số xe thực hiện hợp tác kinh doanh đến cuối năm 2021: 1.466 chiếc
 + Tổng số xe dự kiến hoạt động kinh doanh cuối năm 2021: 4.834 chiếc

CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2021

-  Phát triển việc thanh toán online trên **Vinasun App** kết hợp với các ví điện tử trên thị trường và các Mobil Money App sắp được triển khai.
-  Thay thế toàn bộ Pos thanh toán hiện nay bằng SmartPos.
-  Khai thác dòng xe mới Toyota Wigo với giá cước phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
-  Tiếp tục nâng cấp GPS từ 2G lên 4G và hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý và điều hành xe.
-  Thử nghiệm việc thể hiện tiền cước trên Smartphone của lái xe nhằm phát huy các ưu điểm của Vinasun App.
-  Khai thác triệt để thế mạnh của việc điều xe qua hệ thống hệ thống Tổng đài. Thu hút khách hàng đặt xe qua Tổng đài **38 27 27 27** lên 30.000 cuộc gọi/ngày.
-  Tăng số lượng đặt App Vinasun bình quân lên 20.000 lượt/ngày. Phát triển hơn nữa các chức năng trên App nhằm đáp ứng nhu cầu nhanh nhất của khách hàng.
-  Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược.



KẾ HOẠCH DOANH THU KINH DOANH 2021

ĐVT: Tỷ đồng





Hoạt động kinh doanh	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% so với 2020
- Công ty Mẹ	922,64	940	101,88%
- Công ty con	83,36	110	131,96%
Tổng cộng	1.006	1.050	104,37%

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% so với 2020
- Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Corp	922,64	940	101,88%
- Doanh thu từ Hoạt động KD Vinasun Green	83,36	110	131,96%
Tổng Doanh thu Kinh doanh	1.006	1.050	104,37%
- Thu nhập khác (thanh lý & thu nhập khác)	67,35	45,8	68%
Tổng Doanh thu & Thu nhập	1,073,35	1.095,8	102,09%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	(210,72)	(79)	
+ Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động KD	(278,07)	(123)	
+ Lợi nhuận trước thuế từ thu nhập khác	67,35	44	
Tổng lợi nhuận sau thuế	(210,58)	(79)	

CÁC NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾ HOẠCH KD VÀ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY

-  Tác động của sự độc quyền của Công ty Nước ngoài trong hoạt động kinh doanh Taxi khi đã khống chế được thị trường về số lượng đầu xe và việc tuân thủ của công ty này đối với các quy định mới ban hành.
-  Thời gian tác động của dịch bệnh, khả năng phục hồi chậm của ngành vận tải hành khách và các chính sách hỗ trợ anh em lái xe.
-  Việc linh động điều chỉnh giá cước, tỷ lệ chia doanh thu của các xe tự doanh, thương quyền cũng như phí nhượng quyền căn cứ vào tình hình dịch bệnh và sự phục hồi của thị trường.
-  Tiết kiệm và giảm chi phí quản lý.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Dưới tác động tiêu cực do các hoạt động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Việt Nam là một trong những nước chịu tác động mạnh mẽ nhất từ biến đổi khí hậu. Bảo vệ môi trường vì vậy là một mục tiêu quan trọng với toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. VNS cam kết thúc đẩy thực hiện, đồng thời nỗ lực tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ đến cả cộng đồng với mong muốn có nhiều hành động thiết thực và đem lại hiệu quả nhiều hơn nữa.



Chính vì vậy, Công ty luôn ý thức được rằng, việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội mà còn là nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu của Công ty. Trong quá trình kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là xăng, điện và nước. Do đó, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường nhưng vẫn đạt hiệu quả kinh doanh. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, VNS luôn chú ý đề ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động.

Các loại xe đều được bảo dưỡng, kiểm tra thường xuyên để tránh xảy ra các sự cố về máy móc gây ảnh hưởng đến môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng mạnh dạn thanh lý xe cũ, đầu tư mua sắm xe mới với các dòng xe tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu trong quá trình vận hành. Trong năm công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, chính vì thế VNS luôn hướng đến một chính sách đãi ngộ cạnh tranh để đảm bảo người lao động có thể an tâm tập trung phát triển sự nghiệp tại Công ty. Nhân viên chính thức tại Vinasun có thể được hưởng những chế độ đãi ngộ & phúc lợi như sau: BHXH, Y tế, Thất nghiệp theo quy định của nhà nước; Bảo hộ lao động; Đào tạo.

Bên cạnh đó, Vinasun cũng luôn chăm lo và quan tâm tới đời sống của người lao động bằng chế độ & phúc lợi thiết thực như: Hàng năm, công ty luôn lựa chọn các lao động tiên tiến, xuất sắc tiêu biểu để trao thưởng động viên. Cơ sở vật chất phục vụ cho công việc được trang bị đầy đủ và đáp ứng tốt nhu cầu của người lao động. Công tác thăm hỏi hiếu hỉ luôn được công ty quan tâm. Thực hiện chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép hàng năm cho NLĐ, tặng quà nhân dịp kỷ niệm 8/3, 20/10, Tết Trung thu...

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các đợt tham quan, du lịch để người lao động được thư giãn tái tạo sức lao động, tạo không khí vui vẻ và tăng sự gắn kết giữa các nhân viên, tổ chức các chương trình thể dục, thể thao giao lưu với các đơn vị trong khu vực.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Vinasun hiểu rằng sự ủng hộ, tin tưởng của cộng đồng là cơ sở quan trọng để đạt được những thành công cuối cùng. Mặc khác, Công ty cũng nhận thức rõ trách nhiệm đối với những tác động tới cộng đồng và môi trường xung quanh. Do đó, Vinasun luôn nỗ lực hài hòa lợi ích của các bên để tìm kiếm sự ủng hộ và đồng thuận của cả cộng đồng. Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động xã hội truyền thống như: Trao học bổng cho sinh viên học sinh nghèo và các chương trình xã hội nhân đạo khác với tổng số tiền trong năm 2020 là 600 triệu đồng.

Ngay từ thời điểm tình hình dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến khó lường Vinsun đã chủ động thực hiện những hành động thiết thực như: tích cực tuyên truyền, phát động người lao động, khách hàng cài đặt, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống dịch như Bluezone, Ncovi và nghiêm túc các quy tắc khai báo y tế, bảo vệ sức khỏe; Yêu cầu người lao động, khách hàng thực hiện tốt thông điệp 5K “khẩu trang - khử khuẩn - khoảng cách - không tập trung - khai báo y tế”. Tạm dừng các hoạt động, sự kiện tổ chức tập trung đông người không cần thiết; linh hoạt trong việc điều chỉnh hình thức làm việc để phù hợp với thực tế, thực hiện các biện pháp phòng dịch cần thiết như: đeo khẩu trang, trang bị nước rửa tay, đo thân nhiệt...

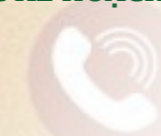
Đường Xa Muốn Ngã

ĐÃ CÓ **VINASUN**



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 83 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 85 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- 86 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020 là một năm đầy thách thức cho hoạt động kinh doanh của Vinasun. Dịch bệnh COVID-19 bùng phát và lan rộng trên phạm vi toàn cầu khiến nhu cầu đi lại của khách hàng giảm. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh Taxi chịu ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh khốc liệt của các Công ty nước ngoài với tiềm lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm chính chiến nhiều năm ở thị trường quốc tế, chấp nhận lỗ để cạnh tranh nhằm chiếm thị phần taxi chính thống.

Với những kết quả đạt được trong năm 2020 Công ty đã phát huy thế mạnh, hoàn thiện chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo cho Công ty hoạt động bền vững và ổn định. Công ty tiếp tục bổ sung tính năng của phần mềm đặt xe – điều xe tự động cùng hệ thống tổng đài nhằm phục vụ tốt hơn việc kinh doanh và quản lý. Đồng thời, Vinasun triển khai việc chuyển nhượng xe dưới hình thức trả chậm cho tài xế để kinh doanh taxi theo phương thức thương quyền với Công ty.

Xác định mục tiêu phải trụ vững trong môi trường kinh doanh cạnh tranh gay gắt, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành. Thường xuyên theo dõi đánh giá, đưa ra các quyết định phù hợp với diễn biến của thị trường và nhu cầu của khách hàng.



TRƯA NẮNG NÓNG - ĐÃ CÓ VINASUN TAXI

Đi nhanh chóng, về an toàn



CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- Mô hình hợp tác kinh doanh đã thu hút được các đối tác bên ngoài công ty và giữ chân được 1 số anh em lái xe có khả năng đầu tư để kinh doanh taxi, đến cuối năm 2020 có 1.066 hợp đồng được ký kết và thực hiện.
- Tiếp tục đấu tranh về mặt pháp lý, kết hợp với Hiệp hội Taxi cả nước phản ánh việc Grab lợi dụng kẽ hở của chính sách chưa được điều chỉnh để hoạt động kinh doanh taxi thông qua bình phong là công ty công nghệ nhằm hưởng hàng loạt ưu đãi về chính sách để khống chế và độc quyền thị trường.
- Triển khai Vinasun App và hệ thống phần mềm quản lý hiện đại thành công đã nâng cao giá trị của công ty, khách hàng tin tưởng ủng hộ. Giúp anh em lái xe nâng cao hiệu suất vận doanh của mình và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Tiếp tục giữ vững các điểm tiếp thị chiến lược.
- Doanh thu của khối khách hàng doanh nghiệp thường xuyên sử dụng dịch vụ Taxi và các khách hàng vắng lai sử dụng thẻ thanh toán khác giảm 35,68% so với với năm 2019.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Năm qua, Ban Tổng giám đốc VNS luôn thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành;



Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trọng việc tổ chức hoạt động và triển khai các dự án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ Công ty;



Ban Tổng giám đốc luôn ý thức cho Công ty duy trì đóng góp nhiều hoạt động cho cộng đồng địa phương nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRIỂN VỌNG NGÀNH NĂM 2021

Ngay từ đầu năm, nền kinh tế nước ta đã tiếp tục bị tác động của làn sóng dịch cúm Covid-19 lần thứ 3. Dịch đã lan ra 11 tỉnh thành, ở các Tỉnh Thành trọng điểm của cả nước và tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành vận tải hành khách, du lịch, ẩm thực, giải trí,... Theo dự kiến trong năm 2021, với việc tiêm chủng vaccine trên diện rộng, dịch Covid ở nước ta sẽ dần dần bị khống chế, tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam mau chóng phục hồi và phát triển, dự kiến GDP năm 2021 sẽ tăng trưởng hơn 6%. Tuy nhiên, nhiều ngành nghề cần phải có thời gian để phục hồi vì Chúng ta chưa thể mở cửa được toàn bộ nền kinh tế, trong đó có ngành vận tải hành khách, du lịch,...




Vì vậy, xác định đây là năm mà Vinasun tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách. Việc tập trung khôi phục lại thị phần, thu hút người lao động, duy trì và củng cố các hoạt động kinh doanh trước tác động của dịch bệnh và áp lực cạnh tranh không cân sức là nhiệm vụ trọng tâm. Phải ứng phó linh hoạt theo diễn biến của dịch bệnh và sức mua của thị trường, tập trung phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào điều hành, quản lý để hoàn thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ và giảm chi phí. Phải tiếp tục đấu tranh để đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật của các công ty nước ngoài trong hoạt động taxi nhằm đảm bảo sự công bằng trong kinh doanh là phương hướng chủ đạo của Công ty trong năm nay.

Bên cạnh các nhân tố vĩ mô nêu trên thì vấn đề tuân thủ các quy định pháp luật của các công ty nước ngoài tham gia hoạt động vào thị trường taxi TP HCM vẫn là 1 thách thức cho Công ty Chúng ta trong năm nay. Với các quy định Pháp luật đã được ban hành thì việc không tuân thủ này tiếp tục tạo ra một môi trường kinh doanh không bình đẳng giữa các Doanh nghiệp.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

-  Dịch vụ Taxi (hoạt động chủ yếu), vận chuyển khách hàng theo hợp đồng, du lịch
-  Đa dạng hóa các phương thức kinh doanh cho phù hợp với diễn biến của thị trường: Tự doanh, Nhượng quyền Thương mại và khai thác, Hợp tác kinh doanh...
-  Tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các công ty có tiềm năng về kinh doanh vận tải, công nghệ, tiêu dùng, thanh toán trong và ngoài nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, tận dụng các lợi thế của nhau nhằm tạo thế cạnh tranh vững mạnh.

CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ VỐN KINH DOANH

Giữ vững và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng và các tổ chức tài chính khác nhằm thu hút vốn để đầu tư với lãi suất thấp nhất.






CÔNG TÁC NHÂN SỰ

-  Tiếp tục củng cố, sắp xếp, cấu trúc nhằm tinh giản lại bộ máy quản lý và kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, tập trung vào chức năng quản lý nhằm nâng cao khả năng điều hành, hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc thực hiện các chức năng kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với khả năng nghiệp vụ chuyên môn cao.
-  Đào tạo và tái đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng phục vụ, giao tiếp đối với nhân viên trực tiếp và các đối tác.



CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2021

Lĩnh vực kinh doanh

-  Phục hồi thị phần tại các địa bàn kinh doanh.
-  Đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.
-  Đảm bảo chất lượng đồng đều của các xe kinh doanh. Nâng cao chất lượng phục vụ và đa dạng các phương thức thanh toán online. Tăng số lượng các điểm tiếp thị và khách hàng cố định.
-  Nâng cấp và phát triển các kênh giao tiếp với khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi và đạt hiệu suất cao nhất cho khách hàng khi đặt xe: Thông qua ứng dụng Vinasun App trên Smartphone, Thông qua Tổng đài, tin nhắn, website
-  Đảm bảo nâng cấp chất lượng phục vụ khách hàng với tiêu chuẩn cao nhất ở tất cả các giai đoạn: trước, trong và sau dịch vụ.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá thương hiệu.
- Tạo nhiều kênh liên lạc để tiếp cận, phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Thực hiện các chương trình khuyến mãi.
- Đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin theo Luật nhằm đảm bảo cho các cổ đông thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động và phát triển của Công ty.
- Nâng cấp và phát triển hơn nữa website: www.vinasuncorp.com, trang facebook của Vinasun.
- Tham gia các hoạt động xã hội, phát huy hơn nữa truyền thống của Vinasun.

Hoạt động khác

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị hạ tầng và thiết bị công nghệ cao cho phù hợp với định hướng và sự phát triển của Công ty. Nâng cấp và phát triển hơn nữa các chức năng của hệ thống phần mềm kết nối và điều hành xe, mở rộng và phát triển hệ thống thanh toán và khuyến mãi tự động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

93

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

97

BAN KIỂM SOÁT

99

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA
HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Đường Xa Muôn Ngả

– Đã có VINASUN –



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Đặng Phước Thành	8/8	100%	
2	Trương Đình Quý	8/8	100%	
3	Trần Anh Minh	8/8	100%	
4	Tạ Long Hỷ	8/8	100%	
5	Huỳnh Thanh Bình Minh	8/8	100%	
6	Đoàn Hoài Minh	6/8	75%	Thôi đại diện vốn NN (Satra) từ ngày 11/09/2020.
6	Trương Vĩnh Tùng	2/8	25%	Bổ nhiệm đại diện vốn NN (Satra) từ ngày 11/09/2020.
7	Hồ Kim Trường	8/8	100%	
8	Đặng Công Luận	8/8	100%	
9	Nguyễn Đình Thanh	8/8	100%	



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
01/QĐ_HĐQT.20	04/03/2020	Tiến hành triệu tập đại hội cổ đông thường niên 2020: + Ngày đăng ký cuối cùng 31/03/2020, ngày tổ chức đại hội 28/04/2020, tỷ lệ thực hiện 1:1; + Nội dung đại hội: Báo cáo kết quả kinh doanh 2019, kế hoạch năm 2020, báo cáo hoạt động của HĐQT 2019; báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2019; báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2019; thông qua vấn đề lựa chọn công ty kiểm toán 2020...
02/QĐ_HĐQT.20	30/03/2020	Gia hạn thời gian tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2020. Lý do chấp hành Chỉ thị của Thủ tướng, nhằm hạn chế rủi ro lây lan do dịch bệnh Covid-19.
03/QĐ_HĐQT.20	18/05/2022	Tiến hành triệu tập đại hội cổ đông thường niên 2020: + Ngày đăng ký cuối cùng 08/06/2020, ngày tổ chức đại hội 30/06/2020, tỷ lệ thực hiện 1:1; + Nội dung đại hội: Báo cáo kết quả kinh doanh 2019, kế hoạch năm 2020, báo cáo hoạt động của HĐQT 2019; báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2019; báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2019; lựa chọn công ty kiểm toán 2020...
04/QĐ_HĐQT.20	05/06/2020	Thông qua các nội dung trình ra Đại hội cổ đông ngày 30/06/2020 như sau: + Báo cáo của HĐQT + Báo cáo kết quả kinh doanh 2019 + Phương án kế hoạch kinh doanh 2020 + Báo cáo kết quả kiểm toán 2019 + Báo cáo của Ban kiểm soát + Tờ trình chi trả cổ tức năm 2019, lựa chọn công ty kiểm toán 2020
05/QĐ_HĐQT.20	06/07/2020	Thông qua việc thành toán cổ tức năm 2019 như sau: + Tỷ lệ thực hiện: 10% mệnh giá (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày đăng ký cuối cùng: 21/07/2020, ngày thực hiện: 31/07/2020 + Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký; đối với chứng khoán chưa lưu ký: nhận tại Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam, số 648, Nguyễn Trãi, P.11, Q.5

Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
06/QĐ_HĐQT.20	20/07/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bán tối đa 1.070 xe, trong đó bao gồm bán trả chậm cho các đối tác Công ty, được chủ động điều chỉnh tăng giảm cũng như điều phối hài hòa số lượng xe ở các mô hình và phương thức kinh doanh phù hợp của Công ty + Giao cho bà Đặng Thị Lan Phương – TGD hoặc ủy quyền cho người thứ ba đại diện Công ty ký kết các hợp đồng mua bán, phụ lục, quyết định giá cả căn cứ theo giá giao dịch tại các thị trường, phương thức thanh toán, các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng bán xe cho đối tác.
07/QĐ_HĐQT.20	20/10/2002	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chấp nhận việc ông Trương Vĩnh Tùng đại diện ủy quyền của ông Đoàn Hoài Minh tham gia HĐQT cho đến Đại hội cổ đông theo Nghị quyết số 41/NQHĐTV 157-20-TCT ngày 09/09/2020 và văn bản đề nghị số 358/TCT-HĐTV ngày 14/09/2020 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – Satra. + Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2020 và phương hướng các giải pháp những tháng cuối năm 2020.
08/QĐ_HĐQT.20	31/12/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tình hình hoạt động và tình hình cạnh tranh thị trường taxi + Phương án đầu tư xe Toyota Wigo 2021

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT. Trong các cuộc họp Ban Tổng Giám đốc đều có sự tham gia của Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.



CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Trần Thị Thu Hiền	3/3	100%	100%
2	Mai Thị Kim Hoàng	3/3	100%	100%
3	Đỗ Thị Thám Hoa	3/3	100%	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, các hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh và kiến nghị những vấn đề có liên quan.
- Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, các Báo cáo tài chính trong năm 2020.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Năm 2020, do hoạt động kinh doanh khó khăn Ban lãnh đạo Công ty không nhận thù lao.

ĐVT: VNĐ

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương
1	Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	459.440.000
2	Tạ Long Hỷ	Phó TGĐ Thường trực	439.580.000
3	Đặng Phước Thành	CT HĐQT	451.040.000
4	Trương Đình Quý	Phó Tổng GD	422.780.000
5	Trần Anh Minh	Phó Tổng GD	422.780.000
6	Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng GD	439.580.000
7	Đặng Thành Duy	Phó Tổng GD	389.180.000
8	Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng GD đến ngày 29/09/2020	279.011.111
9	Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng GD từ ngày 30/11/2020	197.440.833
10	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng GD	333.420.426
11	Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng GD	363.080.000
12	Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng GD	349.880.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Nguyễn Thị Đăng Thư	200	0,00%	1.300	0,00%	Đầu tư cá nhân
Đặng Thành Duy	5.409.300	7,97%	0	0,00%	Giải quyết việc riêng
Ngô Thị Thúy Vân	1.757.950	2,59%	7.167.250	10,56%	Đầu tư cá nhân

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số tham chiếu: 61059820/22005443/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		441.178.645.123	431.219.489.808
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	241.166.832.227	226.543.255.916
111	1. Tiền		35.166.832.227	82.543.255.916
112	2. Các khoản tương đương tiền		206.000.000.000	144.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.414.368.833	167.039.533.051
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	160.194.021.347	145.754.381.642
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.238.046.347	1.362.344.311
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.286.887.704	23.867.117.741
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(4.304.586.565)	(3.944.310.643)
140	III. Hàng tồn kho		12.995.806.006	15.738.638.172
141	1. Hàng tồn kho	8	12.995.806.006	15.738.638.172
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		14.601.638.057	21.898.062.669
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	13.406.081.194	20.500.538.067
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	893.144.954	1.064.571.478
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	302.411.909	332.953.124
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.617.154.982.649	2.198.378.276.971
210	I. Khoản phải thu dài hạn		47.199.582.850	65.354.645.200
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	44.434.808.650	62.280.587.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	2.764.774.200	3.074.058.200
220	II. Tài sản cố định		1.514.832.924.236	1.953.277.789.760
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.368.125.824.562	1.847.361.673.935
222	Nguyên giá		2.609.982.441.558	3.185.394.364.241
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.241.856.616.996)	(1.338.032.690.306)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	146.669.778.904	105.734.211.719
225	Nguyên giá		176.198.181.890	113.374.545.504
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.528.402.986)	(7.640.333.785)
227	3. Tài sản cố định vô hình		37.320.770	181.904.106
228	Nguyên giá		1.966.221.000	1.966.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.928.900.230)	(1.784.316.894)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	120.046.202.941
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	120.046.202.941
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		54.122.475.563	58.699.639.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	52.255.899.511	56.969.800.350
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.866.576.052	1.729.838.720
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.058.333.627.772	2.629.597.766.779

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		574.350.143.680	934.411.894.046
310	I. Nợ ngắn hạn		262.592.666.252	446.035.612.494
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.740.907.607	42.870.355.483
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	18.456.053.986	1.703.983.040
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	18.735.604.441	12.119.712.360
314	4. Phải trả người lao động	14	13.948.367.135	30.138.376.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.471.275.198	18.441.997.687
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	6.195.111.662	8.322.506.235
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.589.148.312	79.630.269.725
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	172.274.541.971	252.253.007.144
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		181.655.940	555.404.218
330	II. Nợ dài hạn		311.757.477.428	488.376.281.552
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	141.955.094.799	168.825.010.111
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	169.802.382.629	319.551.271.441
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.483.983.484.092	1.695.185.872.733
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.483.983.484.092	1.695.185.872.733
411	1. Vốn cổ phần		678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		442.101.034.023	649.746.966.401
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		649.746.966.401	612.812.238.718
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(207.645.932.378)	36.934.727.683
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	7.672.894.157	11.229.350.420
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.058.333.627.772	2.629.597.766.779



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.006.002.351.720	1.991.231.779.491
11	2. Giá vốn về bán hàng và dịch vụ cung cấp	23, 27	(1.035.966.212.322)	(1.566.337.736.731)
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(29.963.860.602)	424.894.042.760
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.635.844.979	9.268.198.782
22	5. Chi phí tài chính	24	(36.070.395.524)	(42.396.017.194)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(36.047.457.020)	(42.379.747.291)
25	6. Chi phí bán hàng	25, 27	(120.413.910.176)	(200.247.903.125)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(98.253.858.851)	(144.845.388.068)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(278.066.180.174)	46.672.933.155
31	9. Thu nhập khác	26	67.978.038.272	93.718.123.774
32	10. Chi phí khác	26	(626.984.071)	(1.376.062.563)
40	11. Lợi nhuận khác	26	67.351.054.201	92.342.061.211
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		(210.715.125.973)	139.014.994.366
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	(30.803.087.360)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	136.737.332	448.289.058
60	15. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(210.578.388.641)	108.660.196.064
61	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(207.021.932.378)	108.537.393.072
62	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.556.456.263)	122.802.992
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(3.060)	1.591
71	19. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	(3.060)	1.591



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(210.715.125.973)	139.014.994.366
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	27	378.386.683.947	440.465.407.867
03	Trích lập các khoản dự phòng		114.545.201	282.210.165
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2, 26	(31.199.445.060)	(53.965.039.178)
06	Chi phí lãi vay	24	36.047.457.020	42.379.747.291
07	Điều chỉnh khác		(373.748.278)	(3.250.000.000)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		172.260.366.857	564.927.320.511
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		17.497.441.400	(2.041.465.548)
10	Giảm hàng tồn kho		2.742.832.166	3.667.781.282
11	Giảm các khoản phải trả		(50.926.823.665)	(3.954.562.324)
12	Giảm chi phí trả trước		11.808.357.712	1.671.920.930
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.791.566.328)	(42.876.528.700)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.349.040.039)	(35.607.551.780)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(624.000.000)	(2.688.745.451)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		108.617.568.103	483.098.168.920
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(25.272.381.819)	(291.767.057.389)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		221.909.949.691	171.774.749.277
27	Lãi tiền gửi nhận được		6.820.673.691	9.022.776.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		203.458.241.563	(110.969.531.829)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19.3	21.156.800.000	124.339.800.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	19.3	(216.686.228.989)	(338.590.730.414)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	19.3	(34.197.924.996)	(31.020.719.850)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(67.724.879.370)	(68.067.403.830)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(297.452.233.355)	(313.339.054.094)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		14.623.576.311	58.789.582.997
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		226.543.255.916	167.753.672.919
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	241.166.832.227	226.543.255.916

Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/2008/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.398 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5.790).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm	
			Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%	90%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ **Khen thưởng, phúc lợi**

Khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM - ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.035.568.512	25.919.319.443
Tiền gửi ngân hàng	23.129.716.025	56.600.159.647
Tiền đang chuyển	1.547.690	23.776.826
Các khoản tương đương tiền (*)	206.000.000.000	144.000.000.000
TỔNG CỘNG	241.166.832.227	226.543.255.916

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2,90%/năm đến 3,70%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	77.633.000.000	54.771.800.000
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	71.944.346.639	81.588.942.669
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	3.189.937.132	2.716.644.000
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lai	1.505.755.000	1.574.668.800
Khác	5.920.982.576	5.102.326.173
	<u>160.194.021.347</u>	<u>145.754.381.642</u>
Dài hạn		
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	44.434.808.650	62.280.587.000
TỔNG CỘNG	204.628.829.997	208.034.968.642
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.482.617.415)	(1.350.296.128)
GIÁ TRỊ THUẦN	203.146.212.582	206.684.672.514

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.350.296.128	1.199.917.910
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	218.964.617	151.837.746
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(86.643.330)	(1.459.528)
Số cuối năm	<u>1.482.617.415</u>	<u>1.350.296.128</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	15.286.887.704	23.867.117.741
Tạm ứng cho nhân viên	6.218.221.630	6.688.594.466
Ký quỹ, ký cược	2.868.783.667	2.320.660.000
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	1.634.024.330	249.922.151
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	978.233.849	3.386.009.568
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	789.570.745	1.300.677.626
Phải thu liên quan đến thuế giá trị gia tăng thuê tài chính	-	6.282.363.614
Khác	2.798.053.483	3.638.890.316
Dài hạn	2.764.774.200	3.074.058.200
Ký quỹ, ký cược	2.764.774.200	3.074.058.200
TỔNG CỘNG	18.051.661.904	26.941.175.941
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.821.969.150)	(2.594.014.515)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.229.692.754	24.347.161.426

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND
Phương tiện vận tải

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Nguyên giá:

Số đầu năm	113.374.545.504
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	62.823.636.386
Số cuối năm	176.198.181.890

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	7.640.333.785
Khấu hao trong năm	21.888.069.201
Số cuối năm	29.528.402.986

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	105.734.211.719
Số cuối năm	146.669.778.904

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND
Số cuối năm Số đầu năm

Ngắn hạn

13.406.081.194	20.500.538.067
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự	9.797.294.458
Phí bảo trì đường bộ	1.642.239.089
Khác	1.966.547.647

Dài hạn

52.255.899.511	56.969.800.350
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	48.521.126.992
Công cụ, dụng cụ	2.833.632.597
Khác	901.139.922

TỔNG CỘNG

65.661.980.705 77.470.338.417

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND
Số cuối năm Số đầu năm

8.380.754.939	11.538.035.492
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	8.380.754.939
Tiếp thị	3.776.523.884
Bảo hiểm xe	2.060.878.201
Nhà cung cấp xăng	389.070.584
Phải trả cho nhà cung cấp xe	-
Nhà cung cấp khác trong nước	3.133.679.999

TỔNG CỘNG

17.740.907.607 42.870.355.483

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:

Số đầu năm
Mua mới trong năm
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành
Thanh lý
Số cuối năm

Trong đó:
Đã khấu hao hết

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm
Khấu hao trong năm
Thanh lý
Số cuối năm

Giá trị còn lại:

Số đầu năm
Số cuối năm

Trong đó:

Tài sản sử dụng để thế chấp
(Thuyết minh số 19)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.035.792.448	3.173.674.564.714	3.684.007.079	3.185.394.364.241
Mua mới trong năm	-	60.846.548.374	454.600.000	454.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	(636.713.071.057)	-	60.846.548.374
Thanh lý	-	2.597.808.042.031	4.138.607.079	(636.713.071.057)
Số cuối năm	8.035.792.448	2.597.808.042.031	4.138.607.079	2.609.982.441.558
Trong đó: Đã khấu hao hết	8.035.792.448	38.467.179.273	1.991.913.519	48.494.885.240
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	7.620.349.108	1.327.780.914.097	2.631.427.101	1.338.032.690.306
Khấu hao trong năm	415.443.340	355.103.139.609	835.448.461	356.354.031.410
Thanh lý	-	(452.530.104.720)	-	(452.530.104.720)
Số cuối năm	8.035.792.448	1.230.353.948.986	3.466.875.562	1.241.856.616.996
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	415.443.340	1.845.893.650.617	1.052.579.978	1.847.361.673.935
Số cuối năm	-	1.367.454.093.045	671.731.517	1.368.125.824.562
Trong đó: Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	-	506.562.146.687	-	506.562.146.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước về thanh lý tài sản cố định	18.223.735.000	-
Khác	232.318.986	1.703.983.040
TỔNG CỘNG	18.456.053.986	1.703.983.040

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<i>Phải thu</i>				
Thuế giá trị gia tăng	1.064.571.478	-	(171.426.524)	893.144.954
Thuế thu nhập cá nhân	267.813.626	32.101.127	(62.642.342)	237.272.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.139.498	-	-	65.139.498
TỔNG CỘNG	1.397.524.602	32.101.127	(234.068.866)	1.195.556.863
<i>Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng	2.020.647.960	89.948.024.256	(75.488.605.315)	16.480.066.901
Thuế thu nhập cá nhân	2.750.024.361	3.448.873.701	(3.943.360.522)	2.255.537.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.349.040.039	-	(7.349.040.039)	-
Thuế khác	-	39.014.203	(39.014.203)	-
TỔNG CỘNG	12.119.712.360	93.435.912.160	(86.820.020.079)	18.735.604.441

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng đối tác tài xế	2.199.964.384	826.928.819
Lương tháng thứ 13 và thưởng	-	15.446.110.486
Khác	1.271.310.814	2.168.958.382
TỔNG CỘNG	3.471.275.198	18.441.997.687

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	5.257.477.853	7.483.414.064
Khác	937.633.809	839.092.171
TỔNG CỘNG	6.195.111.662	8.322.506.235

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm vật chất xe	1.870.360.526	1.627.431.923
Chi phí lãi vay	1.813.216.510	2.557.325.818
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.141.421.937	2.722.732.512
Cổ tức phải trả	526.998.600	68.251.877.970
Khác	6.237.150.739	4.470.901.502
TỔNG CỘNG	11.589.148.312	79.630.269.725

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	82.202.930.664	107.404.026.447
Nhận ký quỹ từ khách hàng	52.391.357.352	53.814.446.160
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.860.806.783	6.106.537.504
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	141.955.094.799	168.825.010.111

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	138.076.616.975	218.055.082.148
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	34.197.924.996	34.197.924.996
	<u>172.274.541.971</u>	<u>252.253.007.144</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	113.134.126.371	228.685.090.187
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 19.2)	56.668.256.258	90.866.181.254
	<u>169.802.382.629</u>	<u>319.551.271.441</u>
TỔNG CỘNG	342.076.924.600	571.804.278.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính
Dưới 1 năm	40.457.794.557	6.259.869.561	34.197.924.996	43.909.912.684
Từ 1 - 5 năm	61.146.459.674	4.478.203.416	56.668.256.258	102.346.723.008
TỔNG CỘNG	101.604.254.231	10.738.072.977	90.866.181.254	146.256.635.692
			21.192.529.442	125.064.106.250

19.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm		Tăng trong năm		Số cuối năm	
	Vay ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm	VND
TỔNG CỘNG	571.804.278.585	21.156.800.000	21.156.800.000	(250.884.153.985)	342.076.924.600	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	114.781.104.160	từ ngày 22 tháng 1 năm 2021 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu từ 2 - 2,8%	457 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam				
Khoản vay số 1	58.604.461.313	từ ngày 18 tháng 1 năm 2021 đến ngày 1 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	337 xe
Khoản vay số 2	34.629.164.123	từ ngày 16 tháng 1 năm 2021 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	260 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam				
Khoản vay số 1	22.513.720.000	từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu từ 2,5 - 3,0%	70 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội				
Khoản vay số 1	10.839.200.000	từ ngày 25 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023	Lãi suất tiền gửi + biên độ tối thiểu từ 2 - 2,5%	52 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)				
Khoản vay số 1	9.843.093.750	từ ngày 15 tháng 1 năm 2021 đến ngày 5 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	82 xe
TỔNG CỘNG	251.210.743.346			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	138.076.616.975			
Vay dài hạn	113.134.126.371			

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	VND	
	Năm nay	Năm trước
20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)		
20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	67.859.192.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	67.724.879.370	68.067.403.830
20.3 Cổ phiếu		
	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		
21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn điều lệ đã góp	4.000.000.000	4.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.672.894.157	7.229.350.420
TỔNG CỘNG	7.672.894.157	11.229.350.420
Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.229.350.420	11.114.529.623
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm	(3.556.456.263)	122.802.992
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	(7.982.195)
Số cuối năm	<u>7.672.894.157</u>	<u>11.229.350.420</u>

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Năm trước		
Số đầu năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Lợi nhuận thuần trong năm	86.929.263.110	86.929.263.110
Phân phối lợi nhuận	-	-
Cổ tức đã công bố	-	1.075.210.133
Sử dụng quỹ	-	(3.250.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Thù lao của Ban Điều hành	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>
Năm nay		
Số đầu năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Lỗ thuần trong năm	86.929.263.110	86.929.263.110
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>

Vốn cổ phần

Thặng dư vốn
cổ phầnQuỹ đầu tư
và phát triểnLợi nhuận sau thuế
chưa phân phối

Tổng cộng

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	867.986.138.871	1.727.682.767.442
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	127.275.762.143	240.552.088.918
Khác	10.740.450.706	22.996.923.131
TỔNG CỘNG	1.006.002.351.720	1.991.231.779.491

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.620.775.056	9.123.904.205
Khác	15.069.923	144.294.577
TỔNG CỘNG	6.635.844.979	9.268.198.782

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	889.619.041.251	1.342.866.192.655
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	135.919.251.551	203.031.523.256
Khác	10.427.919.520	20.440.020.820
TỔNG CỘNG	1.035.966.212.322	1.566.337.736.731

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.047.457.020	42.379.747.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.938.504	16.269.903
TỔNG CỘNG	36.070.395.524	42.396.017.194

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	120.413.910.176	200.247.903.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.642.408.556	120.409.479.484
Chi phí nhân viên	45.331.739.962	73.818.124.510
Khác	2.439.761.658	6.020.299.131
Chi phí quản lý doanh nghiệp	98.253.858.851	144.845.388.068
Chi phí nhân viên	54.236.436.649	88.082.067.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.840.540.395	40.437.206.320
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.878.893.364	3.371.484.715
Khác	8.297.988.443	12.954.629.314
TỔNG CỘNG	218.667.769.027	345.093.291.193

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	67.978.038.272	93.718.123.774
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	32.017.505.322	40.248.863.196
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	24.578.670.004	44.841.134.973
Khác	11.381.862.946	8.628.125.605
Chi phí khác	(626.984.071)	(1.376.062.563)
LỢI NHUẬN KHÁC	67.351.054.201	92.342.061.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	491.608.654.889	816.097.274.402
Chi phí khấu hao và hao mòn	378.386.683.947	440.465.407.867
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	184.519.086.377	366.713.342.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.775.714.437	227.551.330.242
Khác	32.343.841.699	60.603.672.561
TỔNG CỘNG	<u>1.254.633.981.349</u>	<u>1.911.431.027.924</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Trong năm, Công ty và công ty con phát sinh lỗ do đó, Nhóm Công ty không trích thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	30.803.087.360
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(136.737.332)	(448.289.058)
TỔNG CỘNG	<u>(136.737.332)</u>	<u>30.354.798.302</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(210.715.125.973)</u>	<u>139.014.994.366</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	(42.143.025.195)	27.802.998.873
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.499.571.663	2.551.799.429
Lỗ thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	40.506.716.200	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	<u>(136.737.332)</u>	<u>30.354.798.302</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 (Lỗ) thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thời việc	1.172.161.357	1.221.307.501	(49.146.144)	(60.242.161)
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	694.414.695	508.531.219	185.883.476	508.531.219
TỔNG CỘNG	<u>1.866.576.052</u>	<u>1.729.838.720</u>	<u>136.737.332</u>	<u>448.289.058</u>

29. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.553.684.037	4.683.240.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(207.645.932.378)	107.945.393.072
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(207.645.932.378)	107.945.393.072
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	67.859.192	67.859.192
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND) (Lỗ) lãi cơ bản và lãi suy giảm	(3.060)	1.591

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	10.378.136.285	10.948.109.798
Từ 1 đến 5 năm	23.353.627.522	28.279.781.867
Trên 5 năm	4.342.541.000	2.301.299.000
TỔNG CỘNG	38.074.304.807	41.529.190.665

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

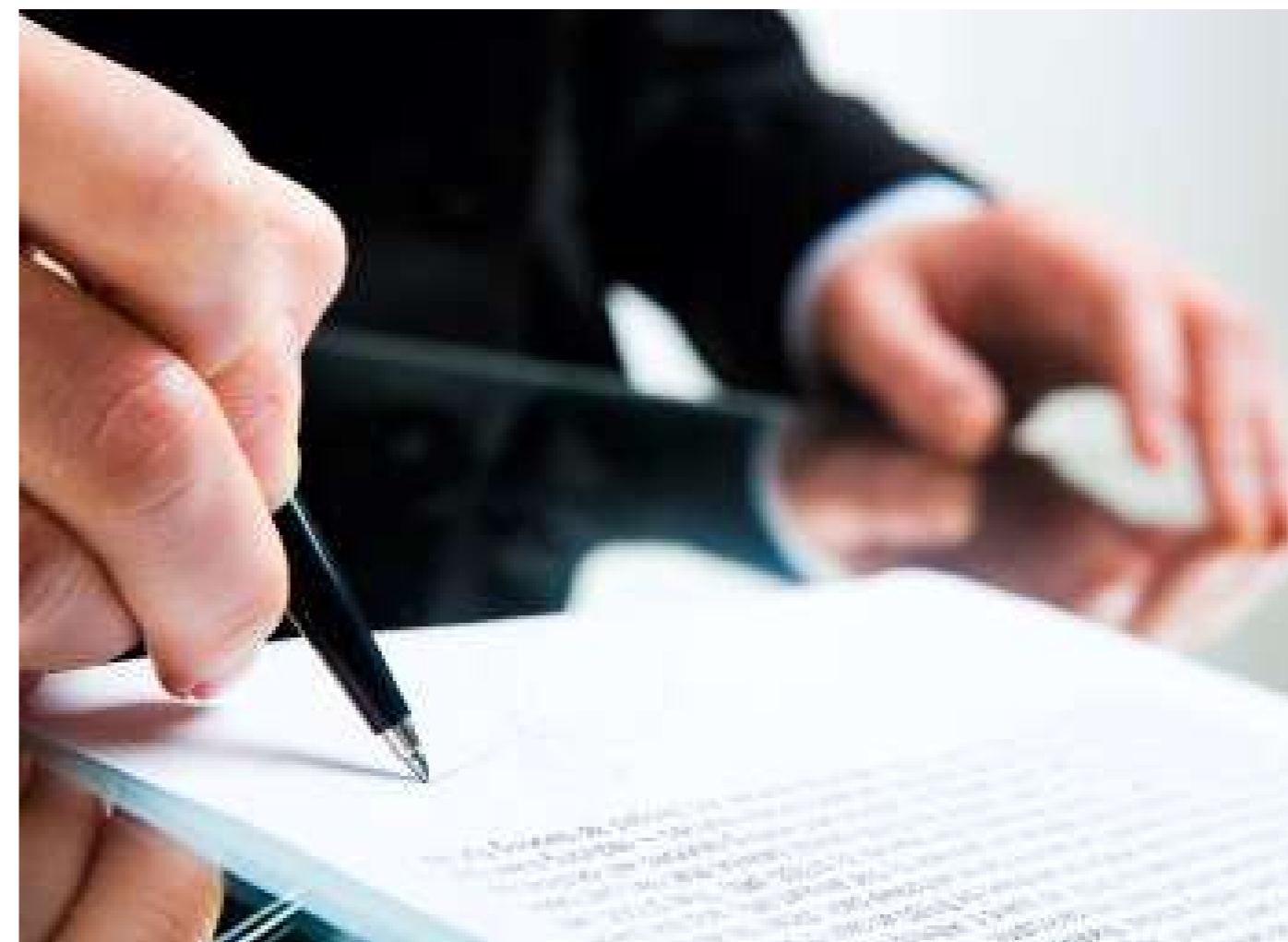
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

